



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
TRONG THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
GIAI ĐOẠN 2017-2020

Trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị

Hà Nội, tháng 11/2020



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
TRONG THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
GIAI ĐOẠN 2017-2020

Trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) được thành lập năm 2014 với sự hỗ trợ từ tổ chức Oxfam Việt Nam. Mục tiêu của BTAP là tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực vì sự phát triển của đất nước.

Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) là một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận của Việt Nam thành lập năm 2005, hoạt động vì quyền của các nhóm yếu thế để xây dựng một xã hội công bằng, đoàn kết và phát triển bền vững. CDI hiện đang là tổ chức điều phối của BTAP.

Trung tâm Hành động vì sự phát triển cộng đồng (ACDC) là một tổ chức phi chính phủ của Việt Nam thành lập từ năm 2011, cam kết đóng góp cho sự hoà nhập đầy đủ và công bằng của người khuyết tật và nhóm yếu thế. ACDC đang là thành viên của BTAP.



Báo cáo đánh giá: “Hiệu quả phân bổ và sử dụng ngân sách trong thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020- trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị” do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) tổ chức thực hiện trong khuôn khổ dự án “Thúc đẩy công khai minh bạch và sự tham gia của người dân trong quản lý ngân sách nhà nước” do tổ chức Oxfam tại Việt Nam tài trợ. Nội dung của Báo cáo này không phản ánh quan điểm của tổ chức Oxfam tại Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào.

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo đánh giá: **“Hiệu quả phân bổ và sử dụng ngân sách trong thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020 - Trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị”** do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) tổ chức thực hiện trong khuôn khổ dự án “Thúc đẩy công khai minh bạch và sự tham gia của người dân trong quản lý ngân sách nhà nước”.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tổ chức Oxfam Việt Nam đã hỗ trợ tài chính để chúng tôi thực hiện đánh giá này.

Chúng tôi cũng xin gửi lời tri ân tới Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Viện chính sách và chiến lược Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (IPSARD); Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, đại diện một số tổ chức phát triển và chuyên gia độc lập đã đóng góp ý kiến, phản biện về các nội dung trọng tâm của đánh giá.

Nhóm đánh giá gồm có TS. Nguyễn Tiến Định, Bộ môn Thể chế nông thôn, IPSARD (trưởng nhóm nghiên cứu); Ths. Vũ Quang Việt, cán bộ nghiên cứu, IPSARD; cùng các cán bộ của tổ chức Oxfam tại Việt Nam, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Trung tâm Hành động vì sự Phát triển Cộng đồng (ACDC). Chúng tôi ghi nhận và đánh giá cao sự tận tâm và nhiệt tình của họ trong suốt quá trình xây dựng, thực hiện và hoàn thành báo cáo này.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hỗ trợ của HĐND tỉnh Quảng Trị và Hội Nông dân tỉnh Hòa Bình trong quá trình khảo sát, đánh giá tại thực địa.

Đặc biệt, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các Sở, Ban ngành 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị gồm: Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Phát triển nông thôn), Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên minh HTX tỉnh; các cán bộ các huyện: huyện Mai Châu (tỉnh Hòa Bình), huyện Gio Linh và huyện Hải Lăng (tỉnh Quảng Trị); các cán bộ các xã: xã Chiềng Châu và xã Bao La (huyện Mai Châu - tỉnh Hòa Bình); xã Gio Việt và xã Gio Mỹ (huyện Gio Linh - tỉnh Quảng Trị) và xã Hải Hưng, xã Hải Phú (huyện Hải Lăng - tỉnh Quảng Trị); các cán bộ hợp tác xã, các cán bộ thôn/xóm, ban phát triển thôn và người dân ở các nơi khảo sát đã cung cấp thông tin để chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

Chúng tôi hy vọng Báo cáo đánh giá này sẽ cung cấp những thông tin hữu ích cho các bên liên quan trong quá trình xây dựng chương trình cho giai đoạn tiếp theo.

Liên minh Minh bạch Ngân sách

MỤC LỤC		
03		LỜI CẢM ƠN
06		DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT
07		TÓM LƯỢC
15	1	GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU
16	1.1	Tính cấp thiết
17	1.2	Mục tiêu nghiên cứu
17	1.2.1	Mục tiêu chung
17	1.2.2	Mục tiêu cụ thể
18	1.3	Đối tượng, phạm vi nghiên cứu
18	1.3.1	Đối tượng nghiên cứu, khảo sát
18	1.3.2	Phạm vi nghiên cứu
18	1.4	Phương pháp nghiên cứu
18	1.4.1	Rà soát, tổng quan tài liệu thứ cấp, văn bản chính sách
18	1.4.2	Phương pháp thu thập thông tin
20	1.4.3	Tổng hợp, phân tích thông tin và tham vấn kết quả nghiên cứu
21	2	TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX
22	2.1	Chính sách phát triển Tổ hợp tác
22	2.2	Chính sách phát triển Hợp tác xã
22	2.2.1	Chính sách ưu đãi tín dụng
23	2.2.2	Chính sách ưu đãi giao, cho thuê đất
23	2.2.3	Chính sách ưu đãi thuế
25	2.2.4	Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới, tổ chức lại HTX
25	2.2.5	Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo
25	2.2.6	Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường
26	2.2.7	Chính sách hỗ trợ HTX ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới
26	2.2.8	Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng
27	2.2.9	Chính sách bảo hiểm nông nghiệp, phòng ngừa rủi ro
27	2.3	Chính sách phát triển KTTT, HTX của hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị
27	2.3.1	Chính sách phát triển KTTT, HTX tỉnh Hòa Bình
28	2.3.2	Chính sách phát triển KTTT, HTX tỉnh Quảng Trị
30	3	NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN KTTT, HTX
31	3.1	Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương và cơ chế phân bổ cho phát triển KTTT, HTX
31	3.1.1	Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bố trí cho phát triển KTTT, HTX
32	3.1.2	Cơ chế phân bổ vốn ngân sách của Trung ương cho các địa phương để phát triển KTTT, HTX
33	3.1.3	Bất cập, hạn chế của cơ chế phân bổ vốn NSTW cho các địa phương để phát triển KTTT, HTX
34	3.2	Nguồn vốn NSNN và cơ chế phân bổ cho phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
34	3.2.1	Nguồn vốn NSNN huy động cho phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh
36	3.2.2	Phân bổ vốn NSNN cho các Sở, ban ngành và các địa phương thực hiện hỗ trợ phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị

42	4	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX Ở ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
43	4.1	Thực trạng phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
43	4.1.1	Thực trạng phát triển THT
44	4.1.2	Thực trạng phát triển Hợp tác xã
45	4.1.3	Vai trò của HTX đối với thành viên và nông dân
47	4.2	Kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị
47	4.2.1	Kết quả thực hiện chính sách phát triển HTX tỉnh Hòa Bình
48	4.2.2	Kết quả thực hiện chính sách phát triển HTX tỉnh Quảng Trị
50	4.2.3	Đánh giá chung về kết quả thực hiện chính sách KTTT, HTX ở 02 tỉnh
51	4.3	Tồn tại, hạn chế trong thực hiện chính sách phát triển KTTT, HTX
51	4.3.1	Năng lực, hiệu quả hoạt động của HTX, THT còn hạn chế
52	4.3.2	Nguồn vốn hỗ trợ ít, thiếu nguồn lực để thực thi chính sách
53	4.3.3	Các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX chưa được phổ biến rộng rãi đến tất cả các HTX, THT và người dân
53	4.3.4	Nhiều chính sách hỗ trợ KTTT, HTX chưa thực sự công bằng giữa các địa bàn, đối tượng thụ hưởng
54	4.3.5	Nội dung chính sách còn nhiều điểm bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn để thực thi chính sách
56	4.3.6	Dịch vụ công của Nhà nước chưa hỗ trợ tốt cho HTX/THT
57	4.3.7	Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX còn chồng chéo; thiếu hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách
58	5	GIẢI PHÁP PHÂN BỐ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021-2025
59	5.1	Giải pháp về phân bổ nguồn vốn NSNN cho phát triển KTTT, HTX
59	5.1.1	Đối với Trung ương
59	5.1.2	Đối với 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị
60	5.2	Giải pháp hỗ trợ các HTX, THT nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước
60	5.2.1	Tuyên truyền, phổ biến chính sách và nâng cao nhận thức về HTX
60	5.2.2	Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách để nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của chính sách hỗ trợ HTX
61	5.2.3	Đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX về kỹ năng quản trị HTX
61	5.2.4	Đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý nhà nước và hỗ trợ HTX
61	5.2.5	Tư vấn, hỗ trợ HTX thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, tham gia liên kết chuỗi giá trị
62	5.2.6	Tạo điều kiện để các HTX tham gia vào các chương trình, dự án; giao HTX làm chủ đầu tư công trình hạ tầng hỗ trợ HTX
62	5.2.7	Củng cố bộ máy quản lý nhà nước về HTX, tăng cường vai trò của hệ thống dịch vụ công nhà nước đối với HTX
62	5.3	Giải pháp hỗ trợ phát triển THT
63	6	TÀI LIỆU THAM KHẢO
64	7	PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVTV	Bảo vệ thực vật
DN	Doanh nghiệp
ĐBKk	Đặc biệt khó khăn
CNC	Công nghệ cao
GCN QSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐND	Hội đồng nhân dân
HĐQT	Hội đồng quản trị
HTX	Hợp tác xã
KHCN	Khoa học công nghệ
KTTT	Kinh tế tập thể
KTXH	Kinh tế xã hội
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NTM	Nông thôn mới
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
NSDP	Ngân sách địa phương
NSNN	Ngân sách nhà nước
NSTW	Ngân sách Trung ương
PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
THT	Tổ hợp tác
TNDN	Thu nhập Doanh nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân

TÓM LƯỢC

1. Nguồn vốn và cơ chế phân bổ vốn ngân sách nhà nước trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Phát triển kinh tế tập thể (KTTT) với nòng cốt là hợp tác xã (HTX) là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa. Điều này được khẳng định qua nhiều Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Mới nhất, ngày 9/3/2020, Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 70-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Đây là chủ trương lớn của Đảng nhằm huy động mọi nguồn lực để phát triển KTTT, HTX, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (NSTW) cho phát triển KTTT, HTX được Trung ương bố trí cho địa phương thông qua các chương trình mục tiêu và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX bao gồm: i) Vốn cấp trực tiếp từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) thông qua các chính sách và các chương trình phát triển HTX; ii) Vốn lồng ghép, từ 02 chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) gồm Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; iii) Ngoài ra, ngân sách Trung ương còn cấp trực tiếp cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Liên minh HTX Việt Nam với tổng nguồn vốn gần 400 tỷ đồng để hỗ trợ phát triển HTX.

Tại hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, mức độ huy động vốn ngân sách nhà nước cho phát triển KTTT, HTX cao hơn nhiều so với mức bình quân chung cả nước (4,1 tỷ đồng/tỉnh/năm). Trong đó, bình quân mỗi năm tỉnh Hòa Bình phân bổ 10,98 tỷ đồng/năm và tỉnh Quảng Trị phân bổ 9,3 tỷ đồng/năm hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Tuy nhiên, việc huy động vốn ngân sách nhà nước cho phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị có một số hạn chế và bất cập sau:

- Chưa bố trí dòng ngân sách riêng dành cho phát triển KTTT, HTX. Trong dòng ngân sách chung về phát triển KT-XH, cả Trung ương và địa phương đều chưa có dòng ngân sách riêng dành cho chương trình phát triển KTTT, HTX. Để thực hiện các chính sách và các chương trình, dự án phát triển KTTT, HTX trên địa bàn, các tỉnh đều phải tìm cách lồng ghép từ các chương trình mục tiêu đã được triển khai trước đó.
- Nguồn vốn hỗ trợ phát triển KTTT, HTX chủ yếu từ chương trình MTQG xây dựng NTM. Tuy nhiên, chương trình này lại không quy định cụ thể dành tỷ lệ (%) bao nhiêu cho hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Vì thế, trong quá trình phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp chương trình NTM, các tỉnh đều phân bổ cho các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nói chung. Bên cạnh đó, chương trình NTM cũng không quy định ngân sách đối ứng của địa phương cần phải dành tối thiểu bao nhiêu cho

hỗ trợ phát triển KTTT, HTX, vì thế nhiều địa phương không có căn cứ và không phải bắt buộc bố trí ngân sách để thực hiện nội dung này.

Đối với nguồn vốn sự nghiệp, qua tham vấn các Sở, cả hai tỉnh đều thực hiện phân bổ vốn sự nghiệp chương trình NTM cho các cơ quan cấp tỉnh để hỗ trợ phát triển sản xuất (trong đó có hỗ trợ KTTT, HTX) trên địa bàn. Ở cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị được giao làm đầu mối phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu giúp UBND tỉnh ra quyết định phân bổ mức vốn ngân sách sự nghiệp NTM cho từng đơn vị. Tuy nhiên, một số hạn chế, bất cập trong việc thực hiện phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp cho các Sở, ban ngành ở địa phương đó là:

- Chưa có tiêu chí rõ ràng để phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp cho các Sở, ban ngành. Việc phân bổ vốn ngân sách thực hiện các chương trình MTQG và ngân sách địa phương cho các Sở, ban ngành được Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối dựa trên danh mục nhu cầu đăng ký của các đơn vị mà chưa có nguyên tắc, tiêu chí rõ ràng và được quy định bằng văn bản pháp quy.
- Phân bổ vốn dàn trải cho nhiều đơn vị, dẫn đến tình trạng nội dung thực hiện của các đơn vị bị trùng lặp lẫn nhau, gây lãng phí.
- Lượng vốn phân bổ ít, chưa đáp ứng nhu cầu. Thực tế các Sở, ban ngành ở hai tỉnh đều cho biết nguồn vốn ngân sách hàng năm được HĐND tỉnh cấp thường thấp hơn so với nhu cầu mà các đơn vị đăng ký. Cán bộ Chi cục PTNT tỉnh Quảng Trị cho biết, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ nhận được khoảng 30% so với nhu cầu đăng ký.

Đối với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư phát triển, để thực hiện hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho KTTT, HTX, hàng năm các địa phương đều thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về “*Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*”. Tùy điều kiện địa phương khác nhau mà Sở Nông nghiệp và PTNT đề ra các tiêu chí ưu tiên khác nhau. Tuy nhiên, một số bất cập, hạn chế trong thực hiện phân bổ vốn NSNN để hỗ trợ đầu tư phát triển KTTT, HTX ở địa phương đó là:

- Nhiều HTX, THT chưa được tham gia đầy đủ vào quá trình lập kế hoạch phát triển KTXH địa phương và quá trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã. Nhiều HTX, THT bị bỏ sót và không được mời khi Ban phát triển thôn, xã họp về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.
- Chưa thực hiện ưu tiên phân bổ vốn cho phát triển KTTT, HTX vùng khó khăn, vùng miền núi và vùng bãi ngang ven biển. Thực tế cho thấy, khu vực KTTT, HTX ở vùng khó khăn, vùng miền núi và vùng bãi ngang trên địa bàn tỉnh chậm phát triển, có rất ít mô hình HTX hoạt động hiệu quả. Nguyên nhân chính là một số chính sách quy định về điều kiện thụ hưởng chính sách chưa phù hợp để các HTX quy mô nhỏ vùng khó khăn tiếp cận được.

2. Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị

Trong giai đoạn 2017-2020, cả hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đều đã ban hành nhiều cơ chế chính sách để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Mặc dù là tỉnh nghèo, nhưng cả hai tỉnh đều đã rất quan tâm bố trí nguồn lực để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Dù vậy, số lượng các HTX, THT và thành viên nông dân nhận được hỗ trợ từ các chính sách do tỉnh ban hành rất hạn chế so với nhu cầu thực tế của các HTX, THT và cả so với nhu cầu đề xuất của các Sở, ban ngành, địa phương. Trong thực hiện chính sách phát triển KTTT, HTX còn một số tồn tại, hạn chế:

- Năng lực, hiệu quả hoạt động của HTX, THT còn hạn chế; cùng với đó là tài sản, vốn của HTX ít, doanh thu và lợi nhuận thấp trong khi HTX là một tổ chức kinh tế tập thể, hoạt động phải tuân theo các quy định pháp luật nên nhiều HTX hiện nay khó đáp ứng yêu cầu như là một HTX. Nhiều HTX không có hệ thống sổ sách kế toán rõ ràng, không làm báo cáo thuế, không có lợi nhuận để trả lương cho cán bộ. Thực tế ở tỉnh Hòa Bình đến nay vẫn còn 26,5% HTX trung bình và 8,5% HTX yếu kém; tỉnh Quảng Trị có 45,6% loại trung bình và 4,6% xếp loại yếu kém. Rất nhiều THT được thành lập theo phong trào, hầu như không hoạt động, không hỗ trợ được gì cho các thành viên, nông dân.
- Nguồn vốn hỗ trợ ít, thiếu nguồn lực để thực thi chính sách. Hiện nay, nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ KTTT, HTX chủ yếu được bố trí từ Chương trình MTQG xây dựng NTM do Trung ương cấp. Tuy nhiên, văn bản Trung ương ban hành không quy định cụ thể Chương trình MTQG xây dựng NTM cần phải dành tỷ lệ tối thiểu bao nhiêu để hỗ trợ KTTT, HTX hoặc để thực hiện tiêu chí số 13 trong xây dựng NTM. Cùng với đó, Trung ương cũng chưa quy định bắt buộc địa phương vào bố trí nguồn vốn hàng năm tối thiểu là bao nhiêu để phát triển KTTT, HTX. Hậu quả là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển KTTT, HTX được ban hành rất nhiều nhưng lại thiếu nguồn lực để thực thi chính sách. Rất ít HTX, THT được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách thông qua các chính sách do tỉnh ban hành.
- Chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX chưa được phổ biến rộng rãi đến tất cả các HTX, THT và người dân. Do không nắm bắt được đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của nhà nước nên ở một số nơi còn tồn tại rất phổ biến những nhận thức chưa đúng hoặc cố tình thực hiện không đúng với bản chất của HTX, trái với quy định của Luật HTX năm 2012. Ở một số nơi, người dân e ngại và chưa thực sự tin tưởng vào HTX; chính quyền cơ sở (xã, thôn) vẫn tư duy KTTT, HTX như là một tổ chức của chính quyền, là công cụ kéo dài của chính quyền, nên có những can thiệp trực tiếp vào tổ chức, hoạt động của HTX.
- Nhiều chính sách hỗ trợ KTTT, HTX chưa thực sự công bằng giữa các địa bàn, đối tượng thụ hưởng. Các tỉnh hầu như chỉ quan tâm đến hỗ trợ HTX, chưa quan tâm hỗ trợ THT. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ KTTT, HTX theo Quyết định 2261 chủ yếu được bố trí từ Chương trình MTQG xây dựng NTM, do đó các HTX nông nghiệp có trụ sở ở khu vực các phường, thị trấn không được hỗ trợ đầu tư hạ tầng. Trong khi đây là những HTX có vị trí thuận lợi để phát triển tiêu thụ sản phẩm, kết nối vùng nguyên liệu, xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến.

- Chính sách khuyến khích, hỗ trợ còn nhiều điểm bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn để thực thi chính sách. Điển hình như chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, để được hưởng hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT thì HTX phải có ít nhất 1 trong 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ có doanh thu tối thiểu 1 tỷ đồng/năm; hoặc HTX phải có diện tích phục vụ tối thiểu 50 ha mới được hỗ trợ công trình thủy lợi, giao thông nội đồng. Những điều kiện này khiến cho các HTX ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn và các HTX mới thành lập, quy mô nhỏ không thể nào tiếp cận được chính sách. Các HTX gặp khó khăn khi tiếp cận vay vốn tín dụng do không có tài sản thế chấp; hoặc không xây dựng được phương án SXKD hoặc dự án đầu tư khả thi, rõ ràng; hệ thống sổ sách tài chính kế toán thiếu minh bạch; HTX hoạt động kém hiệu quả nên các tổ chức tín dụng không tin tưởng cho vay vốn. Chính sách đất đai đối với HTX khó thực hiện; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thu tiền không được HTX quan tâm do HTX không thể thế chấp để vay vốn ngân hàng. Cùng với đó, nhiều nội dung hỗ trợ chưa phù hợp với nhu cầu của HTX và nông dân.
- Chưa giao HTX làm chủ đầu tư một số công trình hạ tầng để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tạo công ăn việc làm cho người lao động trong HTX. Nhiều HTX cho biết chính quyền địa phương nên giao cho HTX trực tiếp làm chủ đầu tư các hạng mục công trình mà HTX được hỗ trợ. Lý do là vì bản thân HTX đã phải có vốn đối ứng 20% đối với công trình. Mặt khác, các hạng mục công trình đầu tư như (nhà kho, sân phơi, dây truyền công nghệ,...) sau này sẽ do HTX trực tiếp vận hành thì nên để cho HTX được chủ động thuê thiết kế, thi công thực hiện sẽ phù hợp và hiệu quả hơn.
- Dịch vụ công của Nhà nước chưa hỗ trợ tốt cho HTX/THT: Các HTX/THT có tính đặc thù là người quản lý HTX chính là người sản xuất, những hầu hết những người quản lý HTX/THT là nông dân có trình độ hạn chế. Mặc dù Luật HTX cho phép họ có thể thuê giám đốc và các cán bộ kỹ thuật nhưng với quy mô hoạt động nhỏ bé và lợi nhuận ít, thậm chí nhiều HTX không có lợi nhuận thì HTX không thể thuê Giám đốc điều hành được. HTX cần có sự hỗ trợ của nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể cơ quan nào trong bộ máy quản lý nhà nước hỗ trợ cho HTX/THT. Hiện nay, Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, kiểm toán hoạt động của HTX đảm bảo HTX hoạt động đúng, quản lý tài chính minh bạch. Tuy nhiên, trong thực tế nhà nước hiện đang thả lỏng cho HTX/THT. Hoạt động kiểm toán HTX hầu như không thực hiện. HTX hoạt động không đúng Luật HTX năm 2012 như: thành viên không góp vốn điều lệ, HTX không nộp báo cáo thuế cũng không bị kiểm tra, xử phạt. Bên cạnh đó, ở nhiều địa phương hiện nay đều thiếu đội ngũ cán bộ có thể tư vấn, hỗ trợ tốt cho các HTX; năng lực và kinh nghiệm của bộ máy quản lý nhà nước và các đơn vị cung cấp dịch vụ cho các HTX chưa đáp ứng yêu cầu (thiếu về số lượng và yếu về chất lượng), đặc biệt là ở các huyện miền núi, vùng sâu vùng xa.
- Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX còn chồng chéo; thiếu hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách. Hiện nay, việc phân công nhiệm vụ và quy trách nhiệm trong công tác phát triển KTTT, HTX ở địa phương còn chồng chéo giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT và Liên minh HTX tỉnh, dẫn đến chậm trễ trong quá trình điều hành, chỉ đạo công tác phát triển KTTT, HTX ở cơ sở. Ngoài ra, ở góc độ QLNN, hiện chưa có hệ thống chỉ

tiêu để theo dõi, đánh giá kết quả thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Hệ thống chỉ tiêu, cơ sở dữ liệu báo cáo của các cơ quan QLNN hiện nay mới chỉ tập trung vào theo dõi, đánh giá tình hình phát triển KTTT, HTX. Do đó, việc đánh giá kết quả, hiệu quả thực thi chính sách phát triển KTTT, HTX hiện chưa được đầy đủ và kịp thời tới; gây khó khăn trong việc hoạch định chính sách phát triển KTTT, HTX phù hợp với thực tiễn của địa phương và nhu cầu của các HTX, người dân.

3. Một số khuyến nghị cơ chế chính sách phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025

Giải pháp về phân bổ nguồn vốn NSNN cho phát triển KTTT, HTX

Đối với Trung ương

- Trong Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, cần xây dựng cơ chế mới thay thế Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg theo hướng Trung ương cần quy định cho các địa phương bắt buộc dành một tỷ lệ tối thiểu từ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp hỗ trợ từ NSTW được giao để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.
- Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách mới để hỗ trợ phát triển HTX, thay thế Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 sẽ kết thúc năm 2020. Đồng thời cần sửa đổi các điều kiện thụ hưởng và các thủ tục theo hướng đơn giản hơn để các HTX có thể dễ dàng tiếp cận được chính sách hỗ trợ, đặc biệt đối với các HTX vùng miền núi, vùng đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn như: tỷ lệ vốn đối ứng, quy mô sản xuất, ... cần thấp hơn so với điều kiện thụ hưởng của các HTX ở các vùng khác.

Đối với địa phương

- HĐND và UBND các tỉnh cần bố trí ngân sách địa phương dành cho phát triển KTTT, HTX trên địa bàn. Trong kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm thực hiện phát triển KTXH trên địa bàn và thực hiện các Chương trình MTQG, đặc biệt là Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, các Sở ban ngành ở địa phương cần tham mưu cho HĐND tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ vốn ngân sách dành riêng cho phát triển KTTT, HTX trên địa bàn theo hướng dẫn của văn bản Trung ương và phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương mình.
- UBND các tỉnh cần xây dựng tiêu chí rõ ràng để phân bổ ngân sách cho phát triển KTTT, HTX trong kế hoạch trung hạn 5 năm và kế hoạch hàng năm, trong đó có ưu tiên phân bổ cho các vùng khó khăn, vùng miền núi, vùng có nhiều đồng bào DTTS sinh sống.
- Có quy định và hướng dẫn các địa phương trong quá trình lập kế hoạch phát triển KTXH địa phương và quá trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình MTQG cần có sự tham gia của các HTX/THT trên địa bàn. Cụ thể, chính quyền địa phương phải mời các HTX/THT trên địa bàn tham gia vào các cuộc họp thôn, họp xã để đăng ký nhu cầu hỗ trợ. Nội dung đăng ký nhu cầu của HTX/THT phải được tích hợp và lồng ghép vào kế hoạch phát triển KTXH của địa

phương và kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình MTQG; đồng thời phải được thông báo và niêm yết công khai theo quy định.

- UBND tỉnh cần thống nhất giao cho một đơn vị đầu mối tham mưu về chuyên môn nghiệp vụ cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giúp UBND tỉnh trong quá trình phân bổ vốn NSNN để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Tránh tình trạng phân bổ vốn cho nhiều đơn vị cùng tham gia cùng nội dung hỗ trợ KTTT, HTX dẫn đến tình trạng trùng lặp nội dung, lãng phí nguồn lực như một số nơi thời gian qua.

Giải pháp hỗ trợ các HTX, THT nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước

- *Tuyên truyền, phổ biến chính sách và nâng cao nhận thức về HTX.* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức cho cán bộ quản lý các cấp, cán bộ quản lý của HTX, thành viên HTX và người dân hiểu rõ về bản chất, vị trí của HTX, lợi thế của HTX trong cạnh tranh; tuyên truyền, phổ biến kịp thời chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước cho tất cả các HTX và thành viên, nông dân.
- *Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách để nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của chính sách hỗ trợ HTX.* Trước tiên, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách ưu đãi tín dụng để tạo điều kiện cho các HTX thuận lợi trong tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi. Đối với chính sách đất đai, nhà nước cần có chính sách hỗ trợ HTX thuê đất, thuê mặt nước để mở rộng sản xuất, nhất là để tổ chức các hoạt động sản xuất tập trung của HTX, hoạt động chế biến, thương mại sản phẩm. Ngoài ra, cần có cơ chế ưu tiên riêng cho các HTX hoạt động ở các vùng khó khăn, vùng miền núi, ven biển và vùng có nhiều đồng bào DTTS.
- *Đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX về kỹ năng quản trị HTX.* Các nội dung quan trọng cần đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX gồm: i) Kỹ năng và công cụ cần thiết để xây dựng phương án, dự án sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện của HTX; ii) Kỹ năng, công cụ quản lý tài chính HTX đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả; iii) Kỹ năng xây dựng các quy chế quản lý nội bộ trong HTX; iv) Kỹ năng đàm phán, thương thảo hợp đồng và phân tích thị trường, tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho HTX và thành viên; v) Kỹ năng quảng bá và xúc tiến thương mại sản phẩm của HTX. Ngoài ra, có thể đào tạo tập huấn cho một số HTX về xây dựng thương hiệu của HTX nếu HTX có tiềm năng để xây dựng thương hiệu.
- *Đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý nhà nước và hỗ trợ HTX ở địa phương.* Các nội dung cần đào tạo, tập huấn cho các đối tượng này gồm: i) Kiến thức chung về HTX, bản chất HTX; ii) Chủ trương, chính sách hỗ trợ HTX của Đảng và nhà nước; iii) Thủ tục, hồ sơ, trình tự thành lập mới, giải thể HTX; iv) Năng lực tư vấn, hỗ trợ cho các HTX về quản trị, điều hành HTX; xây dựng phương án và phát triển sản xuất kinh doanh của HTX; tư vấn, hỗ trợ HTX tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, xây dựng thương hiệu, nhãn mác để quảng bá sản phẩm của HTX.
- *Tư vấn, hỗ trợ HTX thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, tham gia liên kết chuỗi giá trị.* Không chỉ đào tạo, tập huấn về kiến thức, kỹ năng cho HTX mà cần có đội ngũ cán bộ thường

xuân tư vấn, hỗ trợ để HTX triển khai thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, tham gia liên kết chuỗi giá trị theo phương thức cầm tay chỉ việc. Muốn vậy, cần có chính sách hỗ trợ để các cán bộ chuyên môn ở các phòng được giao quản lý nhà nước và hỗ trợ HTX trong các Sở, ban ngành cấp tỉnh; cán bộ các phòng ở cấp huyện và cán bộ xã; cán bộ Liên minh HTX để họ có kiến thức, năng lực và điều kiện để tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các HTX.

- *Tạo điều kiện để các HTX tham gia vào các chương trình, dự án; giao HTX làm chủ đầu tư công trình hạ tầng hỗ trợ HTX.* Các địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ các HTX tham gia vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế nông thôn; giao cho các HTX làm cầu nối để tổ chức các dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, liên kết thị trường. Đặc biệt, cần có cơ chế mạnh dạn giao các HTX làm chủ đầu tư để thi công một số hạng mục công trình hỗ trợ HTX như nhà kho, sân phơi, xưởng sơ chế, chế biến, cơ sở giết mổ của HTX. Cách làm này hiện đã và đang được nhiều nơi áp dụng đã cho thấy hiệu quả nên cần được phổ biến, nhân rộng.
- *Củng cố bộ máy quản lý nhà nước về HTX, tăng cường vai trò của hệ thống dịch vụ công nhà nước đối với HTX.* Phân công rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với HTX ở từng cơ quan, đơn vị; phân định rõ cơ quan, đơn vị đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng và thực hiện cơ chế phân bổ nguồn vốn phát triển KTTT, HTX; cơ quan, đơn vị đầu mối về công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ KTTT, HTX; tránh sự chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Để xây dựng được cơ chế chính sách phù hợp, hiệu quả đối với khu vực KTTT, HTX, cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu, cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá kết quả thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.
- *Giải pháp phát triển THT:* Nhà nước cần có chính sách và bố trí nguồn lực để hỗ trợ cho các THT. Những nội dung cần hỗ trợ THT gồm: i) Tuyên truyền về về bản chất, chính sách pháp luật của nhà nước đối với THT; ii) Hỗ trợ THT hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ; iii) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý THT, nhất là tổ trưởng THT về các nội dung: quản lý THT, quản lý tài chính THT; xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ của THT; iv) Hỗ trợ THT phát triển lên thành HTX. Hướng dẫn các THT liên kết thành lập hoặc phát triển lên thành HTX.



1

GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

1.1 Tính cấp thiết

Phát triển kinh tế tập thể (KT TT) với nông cốt là hợp tác xã (HTX) là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa. Điều này được khẳng định qua nhiều Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Cả nước đang triển khai thực hiện cơ cấu lại nền nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg. Một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã được xác định đó là phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp. Để thực hiện được điều này, nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành địa phương ban hành để phát triển KT TT, HTX. Có thể nói rằng chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước rất coi trọng phát triển KT TT, HTX. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT cho biết trong 04 năm (2017-2020), ngân sách nhà nước đã bố trí kinh phí hỗ trợ cho KT TT, HTX là 4.322 tỷ đồng (gấp 2,8 lần trong cả giai đoạn 2003-2017), trong đó từ nguồn ngân sách Trung ương cấp chiếm 39%, ngân sách địa phương bố trí chiếm 49,3%, còn lại từ các nguồn khác chiếm 11,7%. Nhờ đó, khu vực KT TT, HTX đã khẳng định được vai trò trong phát triển kinh tế xã hội, đóng góp khoảng 4% trong GDP cả nước và ngoài ra còn hỗ trợ phát triển kinh tế hộ thành viên¹. Theo số liệu báo cáo của Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KT TT, HTX, tính đến hết tháng 6/2020, cả nước có 25.384 HTX (trong đó có 16.240 HTX nông nghiệp và 9.144 HTX phi nông nghiệp) và 113.000 tổ hợp tác

(THT); thu hút trên 6 triệu thành viên và 2,5 triệu lao động tham gia. Tuy nhiên, đa số các HTX có quy mô sản xuất kinh doanh nhỏ, công nghệ lạc hậu, năng lực tài chính và quản trị yếu; khả năng huy động nguồn lực và áp dụng các công nghệ cao còn hạn chế; các THT tuy nhiều nhưng hoạt động không ổn định, nhiều THT hầu như không có hoạt động chung nào. Do yêu cầu đạt tiêu chí để về đích NTM nên ở nhiều địa phương việc thành lập HTX theo mệnh lệnh hành chính để đạt tiêu chí số 13, không thực sự xuất phát từ nhu cầu, lợi ích và tinh thần tự nguyện của thành viên nên hiệu quả hoạt động chưa cao, thiếu bền vững.

Rõ ràng, mặc dù đã có nhiều chính sách đã được ban hành để khuyến khích, hỗ trợ, song khu vực KT TT, HTX thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Là một trong bốn thành phần kinh tế quốc dân (kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) và có đóng góp đáng kể nhưng chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho phát triển KT TT, HTX còn rất khiêm tốn. Hiện Trung ương chưa bố trí dòng ngân sách riêng dành cho chương trình phát triển KT TT, HTX. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển KT TT, HTX đều được bố trí hoặc lồng ghép từ các chương trình mục tiêu khác. Điều này đặt ra nhiều khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương khi xây dựng chính sách cho phát triển KT TT, HTX. Bên cạnh đó, việc phân bổ ngân sách nhà nước cho phát triển KT TT, HTX còn chưa phù hợp, chủ yếu tập trung cho hỗ trợ kết cấu hạ tầng. Nhiều cơ chế, chính sách được ban hành nhưng không phù hợp với điều kiện tiếp cận của HTX, quy trình thủ tục phức tạp nên nhiều HTX, THT chưa tiếp cận được chính sách và các nguồn hỗ trợ của nhà nước.

¹ Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể năm 2019: Đóng góp của khu vực KT TT, HTX vào GDP của cả nước chiếm khoảng 4%, chưa tính đóng góp gián tiếp của khu vực KT TT, HTX lên kinh tế cá thể, hộ gia đình (chiếm khoảng trên 30% GDP cả nước).

Ngày 9 tháng 3 năm 2020, Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 70-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW. Có thể thấy, đây là những chủ trương lớn của Đảng, Chính phủ nhằm huy động mọi nguồn lực để phát triển HTX, góp phần xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai, dịch bệnh diễn ra thường xuyên, đòi hỏi các HTX nông nghiệp phải đổi mới tổ chức quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động, tham gia mạnh hơn nữa vào liên kết chuỗi giá trị để tăng sức cạnh tranh. Để làm được điều đó, về phía Nhà nước cần tiếp tục đầu tư nguồn lực, đổi mới cơ chế chính sách, tạo điều kiện để khu vực KTTT, HTX tiếp tục phát triển trong thời kỳ mới.

Hòa Bình và Quảng Trị là hai tỉnh có điều kiện kinh tế khó khăn của cả nước. Tỉnh ủy, HĐND và UBND luôn quan tâm phát triển KTTT, HTX và đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Thực tế, khu vực KTTT, HTX trên địa bàn hai tỉnh thời gian qua đã đạt nhiều thành tựu đáng kể (tỉnh Quảng Trị đến hết năm 2019 có 290 HTX nông nghiệp, trong đó có 49,8% đạt loại khá và tốt; tỉnh Hòa Bình đến hết năm 2018 có khoảng 208 HTX nông nghiệp). Tuy nhiên, do thiếu nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính hỗ trợ phát triển HTX, khu vực KTTT, HTX trên địa bàn hai tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết tiềm năng, hiệu quả và yêu cầu trong giai đoạn tới.

Nhằm đánh giá hiệu quả phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện các chính

sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020- trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị, Liên minh minh bạch ngân sách (BTAP), với sự chủ trì của hai tổ chức thành viên là Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Trung tâm Hành động vì sự Phát triển Cộng đồng (ACDC) thực hiện nghiên cứu “*Đánh giá hiệu quả phân bổ và sử dụng ngân sách trong thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020- trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị*”. Nghiên cứu được triển khai trong khuôn khổ Dự án “Thúc đẩy công khai minh bạch, sự tham gia của người dân trong quản lý ngân sách nhà nước” do tổ chức Oxfam tại Việt Nam tài trợ.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1 Mục tiêu chung

Đánh giá thực trạng phân bổ và hiệu quả sử dụng ngân sách trong thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2017-2020- trường hợp hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá thực trạng cơ chế phân bổ NSNN trong thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT, HTX trên các khía cạnh: công khai minh bạch, sự tham gia của người dân, tính công bằng;
- Đánh giá kết quả, hiệu quả sử dụng ngân NSNN trong thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT, HTX;
- Đề xuất giải pháp phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả NSNN để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025, góp phần thực hiện tốt Tiêu chí số 13 trong xây dựng nông thôn mới.

1.3 Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

1.3.1 Đối tượng nghiên cứu, khảo sát

- Đối tượng nghiên cứu đó là: cơ chế phân bổ vốn NSNN để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, HTX. Như vậy, các nguồn vốn Nhà nước ngoài ngân sách² sẽ không thuộc đối tượng nghiên cứu này (gồm các nguồn vốn không nằm trong dự toán NSNN được Quốc hội, HĐND tỉnh quyết định).
- Đối tượng khảo sát gồm: i) Cơ quan quản lý nhà nước, hỗ trợ phát triển KTTT, HTX các cấp ở địa phương (tỉnh, huyện, xã); ii) Các HTX, THT; iii) Hộ nông dân, thành viên HTX/THT.

1.3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: i) Đánh giá thực trạng cơ chế phân bổ ngân sách của nhà nước (bao gồm Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương) cho phát triển KTTT, HTX; ii) Đánh giá hiệu quả chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT, HTX từ nguồn ngân sách Nhà nước.
- Thời gian: Đánh giá thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2017-2020.
- Địa bàn: Nghiên cứu tại 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị là địa bàn triển khai thực hiện dự án “Thúc đẩy công khai minh bạch, sự tham gia của người dân trong quản lý ngân sách nhà nước”. Tại mỗi tỉnh, lựa chọn huyện và xã khảo sát như sau:
 - + Tỉnh Hòa Bình: huyện Mai Châu; 02 xã Chiềng Châu và xã Bao La.
 - + Tỉnh Quảng Trị: huyện Gio Linh (xã

Gio Việt và xã Gio Mỹ); huyện Hải Lăng (xã Hải Hưng và xã Hải Phú).

1.4 Phương pháp nghiên cứu

1.4.1 Rà soát, tổng quan tài liệu thứ cấp, văn bản chính sách

- Tổng quan các văn bản chính sách của Trung ương: i) các văn bản quy định, hướng dẫn phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho phát triển KTTT, HTX; ii) các văn bản, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX của Nhà nước.
- Tổng quan các tài liệu, số liệu thứ cấp ở địa phương gồm: i) các tài liệu, số liệu báo cáo của địa phương về phát triển KTTT, HTX trên địa bàn; ii) các văn bản quy định, hướng dẫn phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho phát triển KTTT, HTX trên địa bàn; iii) các văn bản, chính sách và các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển KTTT, HTX do địa phương ban hành.

1.4.2 Phương pháp thu thập thông tin

- Thu thập thông tin, báo cáo liên quan đến kết quả phân bổ và hiệu quả sử dụng NSNN để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT, HTX ở các cơ quan địa phương.
- Tọa đàm, tham vấn chuyên gia ở các cơ quan, ban ngành địa phương, gồm:
 - + Cấp tỉnh: 01 tọa đàm/tỉnh. Thành phần tọa đàm cấp tỉnh: Chi cục PTNT/Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Nông thôn mới tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Liên minh HTX tỉnh; Hội Nông dân tỉnh.
 - + Cấp huyện: Mỗi huyện tổ chức 01 tọa đàm. Tổng cộng tổ chức 03 tọa đàm cấp

² Theo Khoản 14, Điều 2 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Vốn Nhà nước ngoài ngân sách được quy định gồm: (1) Công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; (2) Vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; (3) Vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; (4) Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; (5) Vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; (6) Vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; (7) Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước; (8) Giá trị quyền sử dụng đất.

huyện tại 02 tỉnh. Thành phần gồm: Phòng Nông nghiệp; Phòng Kế hoạch-Tài chính; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp; Hội Nông dân huyện.

- + Cấp xã: Mỗi xã tổ chức 01 tọa đàm. Tổng cộng tổ chức 06 tọa đàm tại 02 tỉnh khảo sát. Thành phần tọa đàm cấp

xã gồm: Lãnh đạo UBND xã; cán bộ tài chính, thống kê, nông nghiệp, khuyến nông xã; Hội Nông dân xã; Trưởng thôn hoặc Trưởng ban phát triển thôn (1-2 thôn/xã).

Kết quả thực hiện các cuộc tọa đàm, tham vấn chuyên gia ở địa phương như sau:

Bảng 1: Số lượng tọa đàm, tham vấn chuyên gia ở 02 tỉnh

Tham vấn	Số cuộc			Số người			Giới tính	
	Hòa Bình	Quảng Trị	Tổng	Hòa Bình	Quảng Trị	Tổng	Nam	Nữ
Cấp tỉnh	1	1	2	6	42	48	36	12
Cấp huyện	1	2	3	7	5	12	7	5
Cấp xã	2	4	6	18	39	58	45	13
Hộ thành viên HTX	6	4	2	20	77	97	53	44

- Điều tra, phỏng vấn HTX: Đã thực hiện khảo sát 07 HTX, trong đó 02 HTX ở tỉnh Hòa Bình và 05 HTX ở tỉnh Quảng Trị. Thành phần HTX trả lời phỏng vấn gồm: thành viên HĐQT, Giám đốc HTX; cán bộ kiểm soát, kế toán, thủ quỹ. Việc lựa chọn HTX khảo sát đảm bảo tính đa dạng theo các tiêu chí sau: i) Về lĩnh vực hoạt động:

HTX nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản) và HTX phi nông nghiệp; ii) Hiệu quả hoạt động của HTX: HTX hoạt động hiệu quả và HTX yếu kém; iii) Theo địa bàn hoạt động: HTX vùng đồng bằng, điều kiện thuận lợi với HTX vùng khó khăn. Đặc điểm các HTX khảo sát như sau:

Bảng 2: Đặc điểm các HTX khảo sát

Tỉnh	Huyện	Xã	HTX khảo sát	Đặc điểm HTX
Tỉnh Hòa Bình	Huyện Mai Châu	Xã Chiềng Châu	HTX dệt thổ cẩm Chiềng Châu	HTX phi nông nghiệp HTX hoạt động hiệu quả
		Xã Bao La	HTX nông nghiệp Việt Hưng	HTX dịch vụ nông nghiệp Hiệu quả hoạt động yếu Vùng khó khăn
			HTX chăn nuôi Mường Pa	HTX chuyên ngành, tham gia chuỗi lợn đen Hoạt động khá hiệu quả
Tỉnh Quảng Trị	Huyện Gio Linh	Xã Gio Việt	HTX thủy sản Tiến Phát	HTX khai thác, chế biến thủy sản Hoạt động không hiệu quả
		Xã Gio Mỹ	HTX nông nghiệp Phước Thị	Sản xuất lúa hữu cơ Hoạt động khá hiệu quả
	Huyện Hải Lăng	Xã Hải Hưng	HTX nông nghiệp Duân Kinh	HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Hoạt động không hiệu quả
		Xã Hải Phú	HTX Phú Hưng	HTX lâm nghiệp Hoạt động hiệu quả

- Điều tra phỏng vấn hộ nông dân: Mỗi HTX phỏng vấn 15 hộ nông dân là thành viên HTX để lấy ý kiến đánh giá về vai trò của HTX đối với thành viên. Kết quả tỉnh Hòa Bình phỏng vấn 31 hộ thành viên và tỉnh Quảng Trị phỏng vấn 60 hộ nông dân thành viên. Ngoài ra, tại mỗi xã còn phỏng vấn nhanh một số hộ nông dân không là thành viên HTX để tìm hiểu lý do họ không tham gia HTX, cũng như những mong muốn của họ nếu tham gia HTX.

1.4.3 Tổng hợp, phân tích thông tin và tham vấn kết quả nghiên cứu

- Tổng hợp, phân tích thông tin, số liệu điều tra khảo sát
- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu; kiến nghị chính sách
- Hội thảo tham vấn ý kiến và chia sẻ kết quả nghiên cứu tại Hà Nội.



2

**TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH
PHÁT TRIỂN KTTT, HTX**

2.1 Chính sách phát triển Tổ hợp tác

Để tạo điều kiện cho tổ hợp tác (THT) hoạt động và phát triển, ngày 10/10/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. Ngày 21/11/2015, Quốc hội thông qua Bộ Luật Dân sự số 90/2015/QH13, trong đó các quy định về THT được quy định mới. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019, thay thế cho Nghị định số 151/2007/NĐ-CP và có hiệu lực kể từ ngày những từ ngày 25/11/2019.

Như vậy, trong giai đoạn 2017-2019, Nghị định số 151/2007/NĐ-CP là khung pháp lý cao nhất điều chỉnh THT. Tuy nhiên, cả Nghị định số 151/2007/NĐ-CP và Nghị định số 77/2019/NĐ-CP chỉ nêu nguyên tắc là THT được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước mà không đưa ra chính sách hỗ trợ cụ thể. Các hỗ trợ, ưu đãi cho THT được nằm ở rải rác ở các văn bản khác nhau cùng với chính sách phát triển HTX như:

- *Ưu đãi thuế Thu nhập:* THT được miễn thuế thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp (dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng; dịch vụ phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng, vật nuôi; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp) (Khoản 2 Điều 4, Nghị định số 218/2013).
- *Ưu đãi thuế Giá trị gia tăng (GTGT):* THT không phải chịu thuế GTGT cho: i) sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt hải thủy sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của THT tự sản xuất, đánh bắt bán ra; ii) hoạt động tưới, tiêu nước, cày bừa; nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ SXNN; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; iii) Dịch vụ cấp tín dụng; dịch vụ y tế, thú y, khám chữa bệnh cho người và vật nuôi (Điều 5, Luật thuế GTGT 2008).

- *Ưu đãi thuế tín dụng:* Theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, THT có thể được tổ chức tín dụng cho vay bằng hình thức tín chấp đến 300 triệu đồng.
- *Chính sách hỗ trợ khác:* Cả Nghị định số 151/2007/NĐ-CP và Nghị định số 77/2019/NĐ-CP đều quy định THT được hưởng các hỗ trợ và tham gia xây dựng, thực hiện các kế hoạch, chương trình dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; kế hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội, tạo việc làm và xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Như vậy, các THT có thể được hưởng các hỗ trợ khác tùy theo từng chương trình, dự án cụ thể cũng như khả năng của địa phương. Quy định này tạo sự linh động cho địa phương trong việc hỗ trợ các THT. Chính vì vậy, nhiều địa phương đã có những quy định cụ thể về hỗ trợ THT như đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, khuyến nông, hỗ trợ xây dựng thương hiệu, tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm,...

2.2 Chính sách phát triển Hợp tác xã

2.2.1 Chính sách ưu đãi tín dụng

- HTX được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX. Quỹ tạo điều kiện cho vay tối đa 80% tổng mức đầu tư dự án trong 5 năm và có thể bảo lãnh tối đa 100% giá trị khoản vay của bên được bảo lãnh nhưng không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư không gồm vốn lưu động (Khoản 5 Điều 1 QĐ 23/2017/QĐ-TTg);
- HTX được vay tín dụng ưu đãi để sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết tối đa bằng 70% giá trị của dự án theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về liên kết;
- HTX được vay vốn khi tham gia liên kết chuỗi theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP

về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP. Ngoài ra, HTX còn được giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2%/năm khi tham gia mua bảo hiểm cho đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay theo Điều 16, Nghị định 55/2015/NĐ-CP.

- HTX được hỗ trợ tín dụng ưu đãi để thực hiện hoạt động, dự án giảm tổn thất sau thu hoạch (theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg);
- HTX được vay vốn để thực hiện chương trình, dự án sản xuất kinh doanh nông nghiệp ứng dụng CNC với lãi suất thấp hơn từ 0,5-1,5%/năm so với mức lãi vay thông thường cùng kỳ hạn của ngân hàng thương mại theo Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC, nông nghiệp sạch.

2.2.2 Chính sách ưu đãi giao, cho thuê đất

- HTX được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước: i) HTX sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở HTX, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối (Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP); ii) HTX được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tối đa 3 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước (Điều 3, Thông tư 333)³; iii) Miễn tiền thuê đất tối đa toàn bộ thời gian thực hiện dự án đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Điều 19, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP) và đất xây dựng công trình trong khu

kinh tế, khu CNC (Điều 8 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP); iv) Diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức đối với các thành viên HTX sản xuất nông nghiệp chuyển sang thuê đất và kí hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Văn bản số 7810/BTC-QLCS ngày 12/6/2015).

- HTX được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: i) HTX thuê đất để sử dụng làm mặt bằng SXKD được giảm 50% tiền thuê đất (Điều 20 Nghị định 46/2014/NĐ-CP); ii) HTX thuê đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, NTTS, làm muối mà bị thiên tai, hỏa hoạn làm thiệt hại thì: (a) Nếu thiệt hại dưới 40% sản lượng thì được giảm tiền thuê đất theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thiệt hại; (b) Nếu thiệt hại trên 40% sản lượng thì được miễn tiền thuê đất đối với năm bị thiệt hại.

2.2.3 Chính sách ưu đãi thuế

- *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):* HTX được thụ hưởng chính sách miễn, giảm các loại thuế theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013. Cụ thể như sau:
 - + Miễn thuế TNDN đối với các khoản thu nhập của HTX từ các hoạt động sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản (được quy định cụ thể tại Điều 4, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013). Điều kiện để HTX được miễn thuế TNDN là: “HTX phải đáp ứng tỷ lệ về cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp theo quy định của Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn”. Theo Nghị định 107/2017/NĐ-CP⁴,

³ Thông tư 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

HTX phải đáp ứng tỉ lệ cung ứng, tiêu thụ cho thành viên HTX không quá 50% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX.

- + Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: HTX được hưởng thuế suất 10% đối với phần thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp không thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và ĐBKK⁵, trừ thu nhập của HTX được miễn thuế⁶.
 - + Ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế TNDN: i) Được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo đối với HTX thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện KT-XH ĐBKK; ii) Được miễn thuế 04 năm, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo đối với HTX được thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc ĐBKK; iii) Được miễn thuế 02 năm, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với HTX thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn.
- *Ưu đãi đối với thuế giá trị gia tăng (VAT):*
- + Miễn thuế VAT: i) Các HTX mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, HTX khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào (Điều 5 Luật thuế GTGT

2016)⁷; ii) HTX và thành viên không phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với các sản phẩm thủy sản nuôi trồng, khai thác bán ra (Điều 6 Nghị định 67/2014).

- + Giảm thuế VAT: i) Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế (Thông tư 219/2013/TT-BTC); ii) Áp dụng mức thuế suất 5% đối với các HTX hoạt động trong một số lĩnh vực sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu; dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương; dịch vụ sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;.... Các hàng hóa, dịch vụ khác đều áp dụng mức thuế suất VAT là 10%.
- *Ưu đãi đối với thuế nhập khẩu:* Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được để đóng mới, nâng cấp tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về chính sách phát triển thủy sản.
- *Ưu đãi đối với lệ phí môn bài:* Nghị định 139/2016/NĐ-CP ngày 4/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài đối với: i) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX hoạt động dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp và HTX chuyên kinh doanh dịch vụ, kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp; ii) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX tại địa bàn miền núi.

⁴ Khoản 1 Điều 1 Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật HTX.

⁵ Khoản 14 Điều 1 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định “Áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn.”

⁶ Quy định ở khoản 1, Điều 4, NĐ 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành luật thuế TNDN.

⁷ Văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 01/VBHN-VPQH ngày 28/4/2016 của Văn phòng Quốc hội và Luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế năm 2016.

2.2.4 Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới, tổ chức lại HTX

Theo Nghị định 193, HTX được nhà nước hỗ trợ khi thành lập mới, đăng ký lại. Nội dung hỗ trợ thành lập mới HTX: (i) Sáng lập viên HTX được cung cấp miễn phí thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật HTX trước khi thành lập HTX; (ii) HTX được hỗ trợ tư vấn xây dựng điều lệ, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX (Khoản 6, Điều 24). HTX chuẩn bị thành lập mới còn được hỗ trợ tài chính cho sáng lập viên HTX (tiền xe, tài liệu, ăn uống...)⁸. HTX đăng ký lại hoạt động theo Luật HTX 2012 cũng sẽ được hưởng các hỗ trợ như hỗ trợ HTX thành lập mới.

2.2.5 Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo

Thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020, Bộ Tài chính đã có Thông tư số 340/2016/TT-BTC hướng dẫn về mức và cơ chế tài chính hỗ trợ, bồi dưỡng nguồn nhân lực của HTX, thành lập mới HTX, tổ chức lại hoạt động của HTX. Cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tiền vé đi, vé về bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở HTX đến cơ sở đào tạo mức 1.000 đồng/km.
- Hỗ trợ kinh phí mua giáo trình, tài liệu trực tiếp của chương trình khóa học;
- Hỗ trợ 50% chi phí ăn, ở cho cán bộ, thành viên HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và diêm nghiệp; Hỗ trợ 50% chi phí ăn, ở cho cán bộ và thành viên HTX hoạt động trong lĩnh vực ngoài nông nghiệp có trụ sở tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

Hỗ trợ 100% chi phí ăn, ở cho cán bộ và thành viên HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và diêm nghiệp có trụ sở tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo;

- Được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng (Nghị định 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông).
- Hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ HTX, liên hiệp HTX về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo.
- Ngoài ra, HTX được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho các HTX tham gia liên kết theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2.2.6 Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Theo Nghị định 193, HTX được Nhà nước hỗ trợ: (i) tham gia các triển lãm trong và ngoài nước; (ii) tổ chức các hội chợ, triển lãm dành riêng cho khu vực HTX; (iii) xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; (iv) xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho các HTX.

Ngoài ra, HTX còn được hỗ trợ tham gia chương trình xúc tiến thương mại quốc gia nhằm nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường (Quyết định 2261).

⁸ Được quy định trong Thông tư số 173/2012/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ sáng lập viên HTX, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX.

2.2.7 Chính sách hỗ trợ HTX ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

- HTX được hỗ trợ ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, khuyến nông: i) HTX có dự án ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ thì được vay vốn trung và dài hạn từ Quỹ phát triển KH-CN quốc gia (Nghị định số 23/2014/ NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia); ii) HTX tổ chức tập huấn cho thành viên tiếp thu công nghệ mới thuộc Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao KH-CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi thì được hỗ trợ 100% kinh phí; iii) HTX nông nghiệp được hưởng các chính sách khuyến nông, khuyến công theo quy định về chính sách khuyến nông.
- HTX được vay vốn để thực hiện chương trình, dự án sản xuất kinh doanh nông nghiệp ứng dụng CNC, nông nghiệp sạch theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ NN&PTNT với lãi suất cho vay thấp hơn từ 0,5%/năm đến 1,5%/năm so với mức lãi suất vay thông thường cùng kỳ hạn của ngân hàng thương mại⁹. Ngoài ra, ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (Nghị định 98 về liên kết).
- Chính sách hỗ trợ HTX, thành viên HTX sản xuất theo tiêu chuẩn GAP: Theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg, các HTX, thành viên HTX sản xuất, sơ chế sản phẩm nông, lâm, thủy sản được: i) Kinh phí nhà nước đầu tư 100% kinh phí điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định vùng sản xuất

tập trung để thực hiện các dự án VietGAP; ii) Hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo đường giao thông, thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung VietGAP; iii) Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp GCN sản phẩm an toàn.

- Các HTX tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (Điều 9, Nghị định 98 về liên kết). Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ được thực hiện theo quy định của Chương trình MTQG xây dựng NTM và các chương trình, dự án khác.
- Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Nghị định số 109/2018/NĐ-CP khuyến khích, hỗ trợ HTX sản xuất sản phẩm hữu cơ: i) Hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ; ii) Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp GCN sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại); iii) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ (tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập khuyến nông¹⁰); iv) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN.

2.2.8 Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng

Theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư của dự án khi HTX đầu tư phát triển

⁹ Điều 3 Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC, nông nghiệp sạch theo NQ 30/NQ-CP ngày 7/3/2017 của Chính phủ.

¹⁰ Theo Khoản 1 Điều 27 Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về khuyến nông.

kết cấu hạ tầng, HTX đóng góp tối thiểu 20% tổng mức đầu tư của dự án. Phần hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX.

Quyết định số 2261/QĐ-TTg ưu tiên hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho các HTX có số lượng thành viên nhiều, tạo quy mô hàng hóa lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị. Ngoài ra, ưu tiên hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX thực hiện các dịch vụ công ích, HTX tiêu thụ sản phẩm gắn với chuỗi giá trị. Các HTX có hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản tối thiểu 300 triệu/năm là đối tượng được ưu tiên khi xét hỗ trợ thụ hưởng chính sách (Thông tư 15/2016/TT-BNNPTNT).

2.2.9 Chính sách bảo hiểm nông nghiệp, phòng ngừa rủi ro

Ngày 23/6/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp. Theo đó, các HTX được *hỗ trợ 20% phí bảo hiểm nông nghiệp* khi: i) Có hợp đồng liên kết gắn sản phẩm nông nghiệp là các đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp; ii) Có sản phẩm nông nghiệp thuộc diện được bảo hiểm nông nghiệp được chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền hoặc được công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC. Điều này, HTX được hưởng tương tự như các doanh nghiệp nông nghiệp.

Đối với chính sách bảo hiểm thủy sản, thực hiện theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP quy định về chính sách bảo hiểm cho các HTX khai thác hải sản xa bờ (thay thế Nghị định 67/2013/NĐ-CP và Nghị định 89/2015/NĐ-

CP): Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu; hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu (bảo hiểm mọi rủi ro đối với thân tàu, không bao gồm trang thiết bị đánh bắt hải sản, ngư lưới cụ trên tàu).

Ngoài ra, tùy theo mức độ thiệt hại, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh và nhu cầu thực tế, các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi về vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh với mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ¹¹.

2.3 Chính sách phát triển KTTT, HTX của hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị

2.3.1 Chính sách phát triển KTTT, HTX tỉnh Hòa Bình

Với định hướng đẩy mạnh phát triển KTTT, HTX, Tỉnh ủy Hòa Bình đã ban hành nhiều Nghị quyết, kế hoạch như: Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 29/5/2017 của BCH Đảng bộ tỉnh về xây dựng củng cố và phát triển kinh tế hợp tác, HTX đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch 104-KH/TU ngày 11/9/2014 của Tỉnh ủy Hòa Bình về việc thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của bộ chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

Để cụ thể hóa chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hòa Bình đã xây dựng “Đề án xây dựng, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác, hợp

¹¹ Quyết định 02/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 9/1/2017 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; thay thế Quyết định 142/2009/QĐ-TTg Quyết định số 49/2012/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8/11/2012 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/12/2009 về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

tác xã đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” (ban hành theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 13/9/2017). Theo đó, các chính sách được tỉnh xác định trong Đề án gồm: i) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí thành lập mới HTX, tối đa 30 triệu đồng/HTX; ii) HTX được ưu tiên hợp đồng thuê đất 5% tại địa phương để thực hiện dự án sản xuất lúa, rau, hoa, cây cảnh; HTX được cấp GCN QSDĐ để làm trụ sở, cửa hàng vật tư, nhà xưởng, sân phơi, nhà kho theo quy định; iii) HTX được hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo QĐ 2261/QĐ-TTg. Nguồn kinh phí từ Chương trình MTQG xây dựng NTM, ngân sách tỉnh, vốn sự nghiệp các ngành. Ngân sách hỗ trợ tối đa 80% dự án công trình được phê duyệt, còn HTX đối ứng tối thiểu 20%; iv) Hỗ trợ tín dụng, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng KHKT và công nghệ mới cho HTX theo quy định hiện hành; v) Hướng dẫn các HTX đăng ký ít nhất 5 nhãn hiệu hàng hóa trong nông nghiệp để XTMM. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí tham gia hội chợ triển lãm, tối đa 25 triệu đồng/HTX.

Ngoài ra, UBND tỉnh Hòa Bình còn xây dựng các Quyết định, kế hoạch triển khai phát triển KTTT, HTX trên địa bàn để triển khai các chính sách, chương trình liên quan đến phát triển KTTT, HTX do Trung ương ban hành như: Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh về hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh về phát triển HTX ứng dụng CNC trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến 2020 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển KHCN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt đề án Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2030 tỉnh Hòa Bình; Quyết

định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình XTMM tỉnh Hòa Bình. Để thực hiện các kế hoạch này, UBND tỉnh Hòa Bình đã bố trí nguồn vốn thực hiện từ Chương trình MTQG xây dựng NTM, từ nguồn ngân sách tỉnh; Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và các nguồn vốn lồng ghép khác trên địa bàn như: vốn KHCN; hoạt động khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại, vốn vay ODA.

2.3.2 Chính sách phát triển KTTT, HTX tỉnh Quảng Trị

Sau khi Tỉnh ủy Quảng Trị ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020. Ngày 15/8/2017, UBND tỉnh Quảng Trị đã cụ thể hóa các chính sách bằng việc ban hành Quyết định số 2235/QĐ-UBND quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020. Như vậy, Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND và Quyết định số 2235/QĐ-UBND đã đề ra nhiều cơ chế chính sách toàn diện để hỗ trợ KTTT, HTX tỉnh Quảng Trị phát triển trong giai đoạn 2017-2020 như: i) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho THT, HTX; ii) Hỗ trợ thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX tại địa bàn các phường, thị trấn; iii) Hỗ trợ 7,5% mức đóng BHXH của HTX cho các chức danh Chủ tịch, phó chủ tịch HĐQT, trưởng ban kiểm soát, kế toán trưởng hoặc cán bộ phụ trách kế toán HTX, liên hiệp HTX; iv) Hỗ trợ thành lập mới HTX, liên hiệp HTX nhưng không quá 16 triệu đồng/HTX và 40 triệu đồng/liên hiệp HTX; v) Hỗ

trợ 20 triệu đồng cho HTX đạt điển hình tiên tiến cấp tỉnh và cho vào tài sản không chia của HTX; vi) Bổ sung 5 tỷ đồng cho Quỹ phát triển HTX trong giai đoạn 2017-2020; vii) Hỗ trợ 100% số thuế TNDN trong 5 năm đầu tiên cho HTX, liên hiệp HTX mới thành lập. Toàn bộ nguồn vốn thực hiện chính sách này do ngân sách tỉnh cân đối hàng năm.

Ngoài ra, UBND tỉnh Quảng Trị còn ban hành nhiều cơ chế chính sách để phát triển KTTT, HTX trên địa bàn từ nguồn vốn NSNN thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM và các nguồn vốn khác như: i) Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển SXKD thực

hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020; ii) Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 về kế hoạch xây dựng và phát triển HTXNN kiểu mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020; iii) Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 về bổ sung nhiệm vụ phát triển HTX ứng dụng CNC trong xây dựng HTX kiểu mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020.

Có thể thấy, mặc dù là tỉnh nghèo còn nhiều khó khăn nhưng tỉnh Quảng Trị đã rất quan tâm phát triển KTTT, HTX nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.



3

NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN KTTT, HTX

3.1 Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương và cơ chế phân bổ cho phát triển KTTT, HTX

3.1.1 Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bố trí cho phát triển KTTT, HTX

Giai đoạn 2015-2020, Chính phủ và các Bộ ngành, địa phương đã triển khai nhiều chính sách, nhiều chương trình, dự án hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT cho biết trong 04 năm (2017-2020), ngân sách nhà nước đã bố trí kinh phí hỗ trợ cho KTTT, HTX là 4.322 tỷ đồng (gấp 2,8 lần trong cả giai đoạn 2003-2017), trong đó từ nguồn ngân sách Trung ương cấp chiếm 39%, ngân sách địa phương bố trí chiếm 49,3%, còn lại từ các nguồn khác chiếm 11,7%.

Nguồn vốn từ NSTW cho phát triển KTTT, HTX được Trung ương bố trí cho địa phương thông qua các chương trình mục tiêu và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, đó là:

- **Vốn cấp trực tiếp** từ Chương trình MTQG xây dựng NTM: hỗ trợ phát triển KTTT, HTX thông qua nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất; hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất.
- **Vốn lồng ghép**, từ 02 chương trình MTQG là: i) Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư (theo Quyết định số 923/QĐ-TTg); ii) Chương trình MTQG Giảm nghèo bền

vững giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg).

- **Quỹ hỗ trợ phát triển HTX** của Liên minh HTX Việt Nam: tổng nguồn vốn gần 500 tỷ đồng cho các HTX vay đầu tư phát triển SXKD với mức lãi suất bằng 60% lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Ngân hàng Nhà nước. Quỹ này do Liên minh HTX Việt Nam trực tiếp quản lý và hỗ trợ cho các HTX vay trực tiếp thông qua các dự án cụ thể được Liên minh HTX Việt Nam phê duyệt.

Như vậy, ngoài Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Liên minh HTX Việt Nam được ngân sách Trung ương cấp trực tiếp để hỗ trợ phát triển HTX thì nguồn vốn ngân sách Trung ương cho phát triển KTTT, HTX đều được lấy từ các chương trình mục tiêu. Tuy nhiên, nguồn vốn từ chương trình NTM được cấp trực tiếp cho phát triển KTTT, HTX thông qua các chính sách và các chương trình phát triển HTX như: Quyết định số 2261/QĐ-TTg về chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020; Đề án phát triển 15.000 HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

Đối với Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, đều không có quy định riêng nội dung hỗ trợ KTTT, HTX mà đều được lồng ghép chung vào nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất (hộ cá thể, hộ nghèo có thể là thành viên HTX/HTT hoặc không).

Bảng 3: Nguồn vốn từ NSTW bố trí cho phát triển KTTT, HTX

Vốn cấp trực tiếp từ Chương trình MTQG xây dựng NTM	Vốn lồng ghép từ chương trình Tái cơ cấu và Chương trình giảm nghèo bền vững	Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Liên minh HTX Việt Nam
Hỗ trợ phát triển KTTT, HTX qua các chính sách và các chương trình như: - Chương trình hỗ trợ HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg. - Đề án phát triển 15.000 HTXNN hiệu quả. - Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).	- Chính phủ bố trí 550 tỷ để hỗ trợ cho 2.000 HTX thành lập mới và nâng cao hiệu quả đến năm 2020 (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg). - Hỗ trợ phát triển sản xuất cho các hộ nghèo, cận nghèo (không hỗ trợ qua HTX, THT).	- Tổng nguồn vốn NSTW cấp trực tiếp cho Quỹ: 400 tỷ đồng. - Hỗ trợ cho các HTX vay đầu tư phát triển SXKD với mức lãi suất bằng 60% lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Ngân hàng Nhà nước.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu, 2020

3.1.2 Cơ chế phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho các địa phương để phát triển KTTT, HTX

Không tính nguồn vốn ngân sách Trung ương cấp cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Liên minh HTX Việt Nam thì NSTW dành cho phát triển KTTT, HTX chủ yếu được cấp trực tiếp từ Chương trình MTQG xây dựng NTM. Việc phân bổ vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 được thực hiện theo Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

Tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg, Chính phủ quy định nguyên tắc và tiêu chí phân bổ nguồn vốn cho các địa phương và ưu tiên theo đối tượng xã để thực hiện xây dựng NTM. Theo đó, trung ương hỗ trợ cho các địa phương tổng mức vốn và giao cho Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình HĐND tỉnh, thành phố quyết định phân

bổ để thực hiện. Việc phân bổ vốn NSTW tại các tỉnh, thành phố do HĐND tỉnh quyết định dựa trên mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng NTM trên địa bàn do UBND tỉnh đề xuất.

Như vậy, đối với nguồn vốn từ chương trình NTM dành cho phát triển KTTT, HTX thì Trung ương không quy định cơ chế phân bổ cụ thể, mà để cho các địa phương được chủ động tự linh hoạt bố trí những nội dung ưu tiên, cấp bách để thực hiện đảm bảo phù hợp hơn với điều kiện thực tế. Trung ương chỉ đề ra định hướng kế hoạch phân bổ cho các địa phương như sau:

- *Dùng 10% tổng nguồn vốn NSTW của Chương trình NTM để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển khác* (Điểm e, khoản 5, Điều 3 của Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg). **Như vậy, vốn NSTW dành cho hỗ trợ phát triển HTX** theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg về chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 nằm trong số 10% tổng nguồn vốn NSTW của Chương trình NTM để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển khác

- Đối với kế hoạch vốn đầu tư phát triển hỗ trợ từ NSTW được giao: sẽ ưu tiên bố trí một phần từ NSTW được giao để thực hiện một số nội dung **hỗ trợ phát triển HTX** theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg;
- Đối với vốn sự nghiệp hỗ trợ từ NSTW: Bố trí vốn để triển khai, thực hiện ở cấp tỉnh và cấp huyện các nội dung: **hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị** (quy mô liên xã, liên huyện); đào tạo nghề cho lao động nông thôn (bao gồm đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp); **đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và hỗ trợ phát triển HTX** theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg.

3.1.3 Bất cập, hạn chế của cơ chế phân bổ vốn NSTW cho các địa phương để phát triển KTTT, HTX

Trong giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã rất quan tâm đầu tư cho phát triển KTTT, HTX thông qua nhiều chính sách và các chương trình, dự án. Tuy vậy, cơ chế phân bổ vốn ngân sách từ Trung ương cho phát triển KTTT, HTX có những bất cập sau:

i) Khu vực KTTT, HTX ngày càng được khẳng định vai trò trong phát triển kinh tế xã hội, hiện đóng góp khoảng 4% trong GDP cả nước và ngoài ra còn hỗ trợ phát triển kinh tế hộ thành viên¹². Tuy vậy, hiện Trung ương chưa bố trí dòng ngân sách riêng dành cho chương trình phát triển KTTT, HTX. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển KTTT, HTX đều được bố trí hoặc lồng ghép từ các chương trình mục tiêu khác. Điều này đặt ra nhiều khó khăn cho các cơ quan QLNN ở Trung ương (như Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ KH&ĐT) và địa phương khi xây dựng chính sách cho phát triển KTTT, HTX.

ii) Chương trình NTM chưa quy định cụ thể dành tỷ lệ bao nhiêu để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg chỉ quy định theo hướng ưu tiên hỗ trợ phát triển HTX từ nguồn vốn đầu tư phát triển và bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp của chương trình NTM. Việc Trung ương không quy định cơ chế phân bổ cụ thể, mà để cho các địa phương tự linh hoạt bố trí nguồn vốn NTM cho các nội dung xây dựng NTM phù hợp trên địa bàn khiến nhiều địa phương chỉ ưu tiên cho đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất trong xây dựng NTM. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong 05 năm giai đoạn 2014-2018, tổng nguồn vốn NSNN dành cho hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của HTX là 770 tỷ đồng, chiếm 61,7% tổng vốn NSNN dành cho tất cả các nội dung hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; tiếp đến là các chính sách: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là 89,2 tỷ đồng (chiếm 7,1%), hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới 82,1 tỷ đồng (chiếm 6,6%), hỗ trợ mua máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh 85,2 tỷ đồng (chiếm 6,8%), hỗ trợ thành lập mới HTX 76,3 tỷ đồng (chiếm 6,1%), hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm 42,7 tỷ đồng (chiếm 3,4%), hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh 31,5 tỷ đồng (chiếm 2,5%). Các chính sách hỗ trợ còn lại chưa được quan tâm nên số lượng kinh phí hỗ trợ ít (08 chính sách bố trí 52,1 tỷ đồng, mỗi chính sách chỉ chiếm dưới 1%).

Mặt khác, do Trung ương không quy định tỷ lệ bắt buộc khiến nhiều địa phương, nhất là các tỉnh nghèo thường không bố trí được nguồn kinh phí dành cho phát triển KTTT, HTX. Vì thế, mặc dù Chính phủ và các Bộ, ngành địa phương thời gian qua xây dựng rất nhiều chính sách và các chương trình phát

¹² Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể năm 2019: Đóng góp của khu vực KTTT, HTX vào GDP của cả nước chiếm khoảng 4%, chưa tính đóng góp gián tiếp của khu vực KTTT, HTX lên kinh tế cá thể, hộ gia đình (chiếm khoảng trên 30% GDP cả nước).

triển HTX nhưng lại thiếu nguồn lực để có thể thực thi.

iii) Nhiều chương trình, đề án của Nhà nước chỉ quan tâm đến hỗ trợ phát triển HTX, trong khi nhiều tổ, nhóm hợp tác hoạt động hiệu quả, có tiềm năng phát triển lên HTX mặc dù là đối tượng trong khu vực KTTT lại chưa được quan tâm (*Nội dung này sẽ được phân tích kỹ hơn ở Mục 4.1.1 của báo cáo*).

3.2 Nguồn vốn NSNN và cơ chế phân bổ cho phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2017-2020

3.2.1 Nguồn vốn NSNN huy động cho phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh

3.2.1.1 Kết quả huy động vốn NSNN cho phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh

Theo số liệu của Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình cung cấp¹³, trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh Hòa Bình đã bố trí 43.960 triệu đồng, trong đó từ NSTW là 29.243 triệu đồng (chiếm 66,57%) và từ NSDP là 14.678 triệu đồng (chiếm 33,43%). Còn theo số liệu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cung cấp¹⁴, trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh đã bố trí 37.190 triệu đồng, trong đó từ NSTW là 17.306 triệu đồng (chiếm 46,53%) và từ NSDP là 19.884 triệu đồng (chiếm 53,47%).

Có thể thấy, mặc dù là 02 tỉnh nghèo, còn nhiều khó khăn, nhưng giai đoạn 2017-2020 cả 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đều rất quan tâm bố trí nguồn vốn để thực hiện các chính sách phát triển KTTT, HTX trên địa bàn. Trong giai đoạn 2017-2020, bình quân mỗi năm tỉnh Hòa Bình bố trí 10,98 tỷ đồng/năm và tỉnh Quảng Trị bố trí 9,3 tỷ đồng/năm hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Mức hỗ trợ này cao hơn nhiều so với mức bình quân chung cả nước (4,1 tỷ đồng/tỉnh/năm).

Cả 02 tỉnh đều cho biết nguồn vốn NSTW hầu hết đều từ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Ngoài ra còn lồng ghép từ các chương trình khác trên địa bàn (Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư; và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020). Tỉnh Quảng Trị cho biết trong giai đoạn 2017-2020, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn cho phát triển KTTT, HTX chỉ là 300 triệu đồng, chỉ chiếm 0,81%, còn lại 99,19% là nguồn vốn từ Chương trình NTM.

Ngoài nguồn vốn từ ngân sách trung ương và tỉnh cấp, một số huyện cũng tự bố trí nguồn ngân sách riêng để hỗ trợ KTTT, HTX thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi chủ lực¹⁵.

¹³ Báo cáo tình hình phát triển KTTT, HTX và hoạt động của Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2015-2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2020-2025.

¹⁴ Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị tại Văn bản số 688/SKH-DN ngày 11/5/2020 về việc cung cấp thông tin và số liệu hoạt động giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn.

¹⁵ Huyện Mai Châu (Hòa Bình) năm 2018 bố trí 350 triệu hỗ trợ cho một số HTX chăn nuôi lợn, và HTX rau; năm 2017 ngân sách huyện bố trí 380 triệu đồng để hỗ trợ 01 HTX chăn nuôi lợn (200 triệu đồng) và hỗ trợ cho 02 THT (180 triệu đồng). Ngoài ra, ngân sách huyện Mai Châu hàng năm còn hỗ trợ trực tiếp cho các HTX thành lập mới với mức hỗ trợ 10 triệu đồng/HTX (giai đoạn 2016-2019 huyện đã hỗ trợ cho 18 HTX thành lập mới). Huyện Hải Lăng (tỉnh Quảng Trị) hàng năm bố trí từ 1-1,5 tỷ đồng/năm từ nguồn ngân sách phát triển KTXH của huyện để hỗ trợ phát triển sản xuất và đẩy mạnh liên kết cánh đồng lớn.

**Bảng 4: Vốn NSNN hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn hai tỉnh
Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2017-2020**

(ĐVT: Triệu đồng)

Tỉnh	Vốn NSNN cho phát triển KTTT, HTX	2017	2018	2019	2020	Tổng 04 năm
Hòa Bình	Tổng vốn NSNN	2.917	8.745	11.699	16.370	43.930
	- Vốn NSTW	857	7.114	8.328	11.448	29.243
	- Vốn NSDP	2.060	1.631	3.371	4.922	14.687
Quảng Trị	Tổng vốn NSNN	3.483	6.215	12.271	17.127	37.190
	- Vốn NSTW	123	1.433	3.606	13.375	17.306
	- Vốn NSDP	3.360	4.818	8.665	3.752	19.884

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo 02 tỉnh Hòa Bình¹⁶ và Quảng Trị¹⁷ cung cấp

3.2.1.2 Một số điểm hạn chế, chưa phù hợp trong việc huy động vốn NSNN cho phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh

➤ Chưa bố trí dòng ngân sách riêng dành cho phát triển KTTT, HTX

Trong dòng ngân sách chung về phát triển KT-XH, cả Trung ương và địa phương đều chưa có dòng ngân sách riêng dành cho chương trình phát triển KTTT, HTX. Vì thế, để thực hiện các chính sách và các chương trình, dự án phát triển KTTT, HTX trên địa bàn, các tỉnh đều phải tìm cách lồng ghép từ các chương trình mục tiêu đã được triển khai trước đó. Điều này khiến các địa phương gặp khó khăn và thường bị động khi lập kế hoạch và thực hiện hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.

Kết quả tham vấn tại 02 tỉnh còn ghi nhận ý kiến cho rằng do Trung ương chưa có quy định ngân sách đối ứng của địa phương để thực hiện các chương trình MTQG phải dành tối thiểu bao nhiêu cho hỗ trợ phát triển KTTT,

HTX. Nên các địa phương cũng không có căn cứ và không phải bắt buộc bố trí ngân sách để thực hiện nội dung này.

Phần lớn nguồn vốn hỗ trợ phát triển KTTT, HTX đều được lấy từ chương trình MTQG xây dựng NTM. Tuy nhiên, do chương trình NTM chưa quy định cụ thể dành tỷ lệ (%) bao nhiêu từ vốn chương trình; bao nhiêu từ vốn ngân sách sự nghiệp cho hỗ trợ phát triển KTTT, HTX mà Trung ương (theo Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn chương trình NTM) chỉ quy định ưu tiên bố trí một phần từ NSTW để thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg. Vì thế, trong quá trình phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp chương trình NTM, các tỉnh đều phân bổ cho các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nói chung.

Chương trình NTM cũng chỉ quy định ưu tiên bố trí một phần từ NSTW để thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển HTX theo

¹⁶ Báo cáo tình hình phát triển KTTT, HTX và hoạt động của Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình nhiệm kỳ 2015-2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2020-2025.

¹⁷ Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị tại Văn bản số 688/SKH-DN ngày 11/5/2020 về việc cung cấp thông tin và số liệu hoạt động giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn.

Quyết định số 2261/QĐ-TTg. Do đó, để hỗ trợ các nội dung khác liên quan đến KTTT, HTX các địa phương chưa có căn cứ để hỗ trợ (ví dụ hỗ trợ Tổ, nhóm hợp tác; hỗ trợ liên kết theo Nghị định 98 của Chính phủ về liên kết tiêu thụ nông sản).

➤ **Lượng vốn huy động tập trung vào những năm cuối của giai đoạn chương trình, gây áp lực triển khai chính sách cho các Sở, ban ngành địa phương**

Thực tế ở cả 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, lượng vốn ngân sách (cả vốn Trung ương và vốn ngân sách địa phương) đều dồn vào 02 năm cuối là 2019-2020 của cả giai đoạn chương trình NTM (2016-2020). Cụ thể tỉnh Hòa Bình phân bổ vốn năm 2019 và năm 2020 lần lượt chiếm 26,2% và 37,3% tổng vốn chương trình trong cả giai đoạn 2017-2020. Tỉnh Quảng Trị phân bổ vốn năm 2019 và năm 2020 lần lượt chiếm 33,0% và 46,1% tổng vốn chương trình trong cả giai đoạn 2017-2020.

Văn phòng điều phối chương trình NTM và Chi cục Phát triển nông thôn- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình cho biết chỉ 02 năm 2019-2020, tỉnh mới bố trí từ nguồn vốn dự phòng NTM để cấp hỗ trợ cho phát triển KTTT, HTX theo Quyết định 2261 là 15,4 tỷ đồng (năm 2019 là 2,5 tỷ đồng và năm 2020 là 12,9 tỷ đồng). Rõ ràng, việc phân bổ vốn hỗ trợ phát triển KTTT không theo lộ trình cả giai đoạn và tập trung vào những năm cuối

chương trình gây nhiều khó khăn, áp lực giải ngân vốn cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

3.2.2 Phân bổ vốn NSNN cho các Sở, ban ngành và các địa phương thực hiện hỗ trợ phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị

3.2.2.1 Quy trình thực hiện phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX

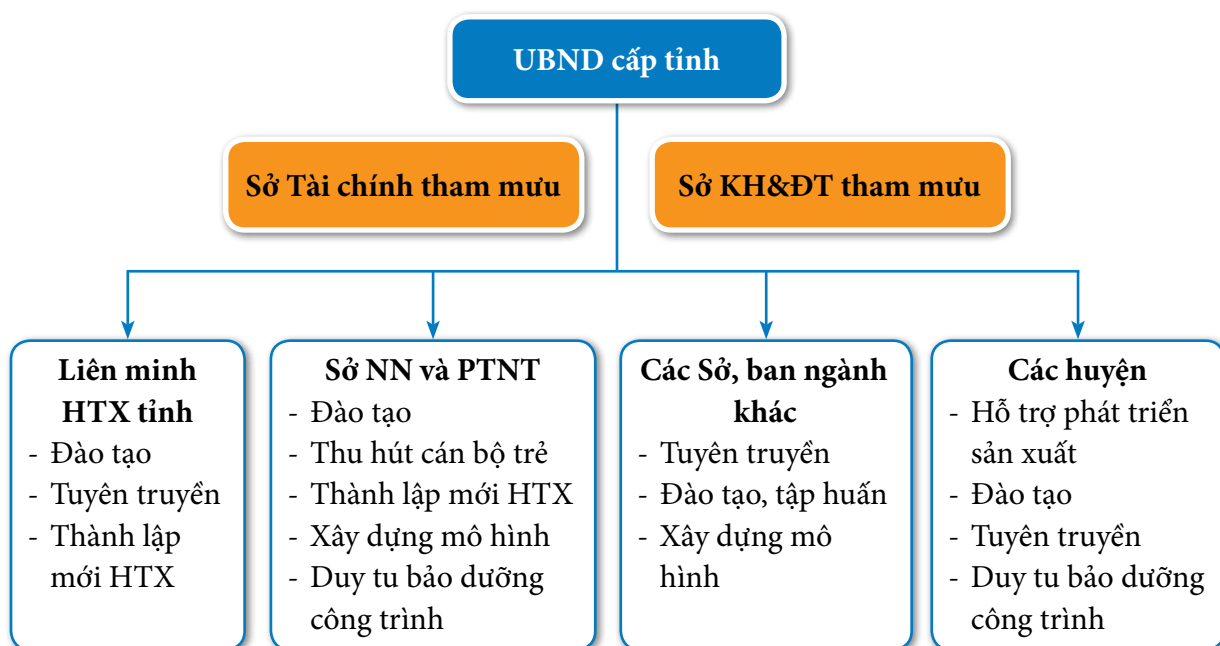
a) Thực trạng phân bổ vốn sự nghiệp cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh

Nguồn vốn ngân sách sự nghiệp cho phát triển KTTT, HTX chủ yếu từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM. Việc phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp cho phát triển KTTT, HTX được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản quy định thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM¹⁸.

Theo quy định Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, vốn sự nghiệp hỗ trợ từ NSTW sẽ được các tỉnh bố trí vốn để triển khai, thực hiện ở cấp tỉnh và cấp huyện các nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (quy mô liên xã, liên huyện); Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (bao gồm đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp); Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và hỗ trợ phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg.

¹⁸ Thực hiện theo các văn bản: Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 1/3/2017 về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 43/2017/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

Sơ đồ 1: Phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng NTM cho phát triển KTTT, HTX tại 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị



Qua tham vấn các Sở, ban ngành tại 02 tỉnh khảo sát cho biết thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương, cả 02 tỉnh đều thực hiện phân bổ vốn sự nghiệp chương trình NTM cho các cơ quan cấp tỉnh như: Sở Nông nghiệp và PTNT; Liên minh HTX tỉnh và các Hội, đoàn thể chính trị (Hội Nông dân; Hội phụ nữ; Đoàn Thanh niên;...) để hỗ trợ phát triển sản xuất (trong đó có hỗ trợ KTTT, HTX) trên địa bàn. Chẳng hạn, nguồn vốn ngân sách sự nghiệp NTM năm 2020 của tỉnh Hòa Bình là 91,664 tỷ đồng cấp cho 34 đơn vị là các Sở ban ngành và các huyện để thực hiện các nhiệm vụ: hỗ trợ phát triển sản xuất; chi phí quản lý chương trình; công tác tuyên truyền, đào tạo; duy tu bảo dưỡng công trình; hỗ trợ cạnh tranh môi trường và khu dân cư kiểu mẫu; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề; hỗ trợ chuẩn hóa các sản phẩm OCOP.

Ở cả 02 tỉnh khảo sát, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị được giao làm đầu mối phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu giúp UBND tỉnh ra quyết định phân bổ mức vốn ngân

sách sự nghiệp NTM cho từng đơn vị. Việc phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp NTM cho từng đơn vị được Sở Kế hoạch và Đầu tư dựa trên danh mục nhu cầu đăng ký của các đơn vị gửi từ năm trước. Trên cơ sở ngân sách hàng năm được HĐND tỉnh phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND tỉnh ra quyết định phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp NTM cho từng đơn vị được bao nhiêu.

b) Bất cập, hạn chế trong việc phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp cho các Sở, ban ngành ở 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị

➤ Chưa có tiêu chí rõ ràng để phân bổ vốn ngân sách sự nghiệp cho các Sở, ban ngành

Qua tham vấn cả 02 tỉnh đều cho biết, việc phân bổ vốn ngân sách thực hiện các chương trình MTQG và ngân sách địa phương cho các Sở, ban ngành được Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối dựa trên danh mục nhu cầu đăng ký của các đơn vị. Thông thường trong Quý 1 hàng năm, sau khi nhận được thông báo từ UBND tỉnh về tổng nguồn vốn ngân sách được

phê duyệt trong năm kế hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ dựa trên danh mục nhu cầu đăng ký của các Sở, ban ngành đã đăng ký nhu cầu để tham mưu giúp UBND tỉnh ra Quyết định phân bổ cho từng đơn vị là bao nhiêu.

Như vậy, việc UBND tỉnh ra Quyết định phân bổ nguồn vốn ngân sách hàng năm cấp cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh chưa có nguyên tắc, tiêu chí rõ ràng và được quy định bằng văn bản pháp quy. Qua tham vấn tại 02 tỉnh đều ghi nhận những ý kiến cho rằng thực tế sẽ khó tránh khỏi việc ra quyết định phân bổ vốn cho các đơn vị mang tính cảm quan. Nhiều cán bộ Sở, ban ngành ở 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị trong quá trình tham vấn đều cho biết họ cũng không hiểu tại sao đơn vị của họ lại được phân bổ mức vốn ngân sách mà tỉnh cấp cho trong năm kế hoạch như vậy.

➤ ***Phân bổ vốn dàn trải cho nhiều đơn vị, dẫn đến tình trạng nội dung thực hiện của các đơn vị bị trùng lặp lẫn nhau, gây lãng phí***

Nguồn vốn ngân sách sự nghiệp NTM năm 2020 của tỉnh Hòa Bình là 91,664 tỷ đồng nhưng được cấp cho 34 đơn vị là các Sở ban ngành và các huyện²⁰ trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ phát triển sản xuất. Một số HTX khảo sát ở cả 02 tỉnh cho biết trong một năm cán bộ HTX được mời đi tập huấn 02 lần do hai bên Liên minh HTX và Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức khác nhau nhưng lại cùng nội dung. Việc phân bổ vốn ngân sách một cách dàn trải và trùng lặp nội dung hoạt động giữa các đơn vị khiến các nội dung hỗ trợ phát triển KTTT, HTX lãng phí, không hiệu quả.

➤ ***Lượng vốn phân bổ ít, chưa đáp ứng nhu cầu để đảm bảo các Sở, ban ngành thực hiện đầy đủ các nội dung hỗ trợ KTTT, HTX***

Hòa Bình và Quảng Trị đều là 02 tỉnh khó khăn, chưa tự chủ được ngân sách nên nguồn vốn sự nghiệp bố trí cho các Sở, ban ngành để

triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX hầu hết lấy từ nguồn vốn chương trình NTM do Trung ương cấp. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên, trong Chương trình NTM lại không có quy định cứng các địa phương phải dành tỷ lệ tối thiểu bao nhiêu % vốn sự nghiệp để thực hiện hỗ trợ phát triển KTTT, HTX nên các địa phương thường tập trung ưu tiên vốn để hỗ trợ các nội dung về hạ tầng.

Thực tế khảo sát các Sở, ban ngành ở hai tỉnh đều cho biết nguồn vốn ngân sách hàng năm được HĐND tỉnh cấp thường thấp hơn so với nhu cầu mà các đơn vị đăng ký. Cán bộ Chi cục PTNT tỉnh Quảng Trị cho biết, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ nhận được khoảng 30% so với nhu cầu đăng ký với tỉnh.

3.2.2.2 Quy trình thực hiện phân bổ vốn NSNN hỗ trợ đầu tư phát triển KTTT, HTX

a) Thực trạng phân bổ vốn NSNN để hỗ trợ đầu tư phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh nghiên cứu

Căn cứ quan trọng nhất để UBND các tỉnh thực hiện phân bổ vốn NSNN hỗ trợ đầu tư phát triển KTTT, HTX cho các địa phương (huyện, xã) trên địa bàn tỉnh là kế hoạch đầu tư phát triển KTTT, HTX của các địa phương xây dựng hàng năm. Theo đó, để thực hiện hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho KTTT, HTX, hàng năm các địa phương đều thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về “*Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*”. (Chi tiết nội dung các bước trong Phụ lục 1).

Trong thực tế, việc phân bổ vốn NSNN để hỗ trợ đầu tư phát triển KTTT, HTX ở các tỉnh được thực hiện theo 04 bước chính như sau:

²⁰ Văn bản số 204/STC-QLNS ngày 10/2/2020 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020 (đợt 1).

- Bước 1: Thông báo kế hoạch vốn được tỉnh phê duyệt:

Hàng năm, căn cứ vào nguồn vốn ngân sách đầu tư công được HĐND tỉnh phê duyệt, UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính để xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển cho các Sở, ban ngành và các huyện. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển KTTT, HTX các tỉnh đều phân bổ cho các huyện thông qua đầu mối là Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Bước 2: Đăng ký nhu cầu hỗ trợ:

Sau khi nhận được thông báo tổng nguồn vốn được phân bổ cho đầu tư phát triển KTTT, HTX trong năm, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ gửi thông báo và yêu cầu UBND các huyện xây dựng nhu cầu đầu tư hỗ trợ cho các HTX/THT, trong đó làm rõ: số lượng HTX đăng ký hỗ trợ; tên, địa chỉ HTX đăng ký hỗ trợ; các hạng mục cần hỗ trợ đầu tư cho HTX theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTX nông nghiệp

Trong thông báo của Sở cho các huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT công khai số vốn dự kiến có thể phân bổ cho các huyện để các huyện biết. Tuy nhiên, số kinh phí Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo cho các huyện có thể cao hơn số bình quân mỗi huyện sẽ thực nhận. Ví dụ từ cuối năm 2019, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị được UBND tỉnh thông báo năm 2020 sẽ được cấp 12,9 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển KTTT, HTX (bình quân khoảng 1,6 tỷ đồng/huyện). Tuy nhiên, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo và yêu cầu mỗi huyện lập kế hoạch đăng ký nhu cầu đầu tư khoảng 3-4 tỷ đồng/HTX. Lí do yêu cầu các huyện đăng ký cao hơn là vì sau khi nhận được kế hoạch nhu cầu, tỉnh sẽ lập đoàn thẩm tra và có thể loại bỏ bớt những HTX, hạng mục đầu tư được cho là chưa khả thi hoặc chưa ưu tiên.

Sở Nông nghiệp và PTNT cũng đưa ra các tiêu chí lựa chọn ưu tiên hướng dẫn các huyện lựa chọn các HTX đưa vào kế hoạch nhu cầu. Tùy điều kiện địa phương khác nhau mà Sở Nông nghiệp và PTNT đề ra các tiêu chí ưu tiên khác nhau. Chẳng hạn, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị đề ra các tiêu chí ưu tiên lựa chọn HTX gồm:

- HTX tham gia sản xuất cây con chủ lực của tỉnh
- Ưu tiên HTX có tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm
- HTX có đăng ký xây dựng HTX kiểu mới (theo tiêu chí của tỉnh)
- Ưu tiên HTX có sản phẩm tham gia chương trình OCOP.

Sau khi nhận được thông báo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện giao Phòng Nông nghiệp và PTNT khảo sát các HTX để lựa chọn đưa vào danh mục kế hoạch đầu tư và gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Bước 3: Kiểm tra, thẩm định:

Sau khi nhận được kế hoạch đăng ký nhu cầu đầu tư do UBND các huyện gửi về, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét.

Bước tiếp theo, UBND tỉnh lập đoàn kiểm tra thẩm định với thành phần gồm các Sở, ban ngành đại diện như: Sở Nông nghiệp và PTNT (chủ trì); Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; đại diện phòng Nông nghiệp các huyện; đại diện UBND các xã có HTX nằm trong danh mục đăng ký. Đoàn kiểm tra thẩm định sẽ trực tiếp đến từng HTX để rà soát, kiểm tra các nội dung, hạng mục đăng ký nhu cầu theo tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTX nông nghiệp và theo các tiêu chí ưu tiên lựa chọn.

Sau khi kiểm tra, thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tổng hợp lại các HTX được lựa chọn đầu tư, các hạng mục đầu tư của từng HTX sao cho tổng số vốn đề nghị đăng ký trùng với số vốn được UBND tỉnh thông báo từ đầu năm. Đồng thời gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: Tổ chức thực hiện:

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt hạng mục đầu tư, Sở Tài chính sẽ cấp vốn trực tiếp cho các huyện để UBND làm chủ đầu tư hoặc giao cho UBND làm chủ đầu tư để tổ chức thực hiện đầu tư các hạng mục hỗ trợ đã được phê duyệt.

b) Bất cập, hạn chế trong thực hiện phân bổ vốn NSNN để hỗ trợ đầu tư phát triển KTTT, HTX ở địa phương

➤ Các HTX, THT chưa được tham gia đầy đủ vào quá trình lập kế hoạch phát triển KTXH địa phương và quá trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các địa phương đều tuân thủ đúng quy trình các bước lập kế hoạch phát triển KT-XH địa phương và quá trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình MTQG theo Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT. Tuy nhiên ở bước họp Tổ kế hoạch thôn và họp kế hoạch xã, nhiều HTX/THT khảo sát cho biết họ không được mời tham gia vào các khâu này.

Thực tế khảo sát cũng cho thấy, thường chỉ những HTX/THT quy mô thôn, bản và người đứng đầu HTX/THT cũng đồng thời có tên trong danh sách Ban phát triển thôn mới được mời đi họp. Còn lại những HTX/THT quy mô toàn xã thường bị bỏ sót khi Ban phát triển thôn, xã họp về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Kết quả là, các nội dung kế hoạch phát triển KTXH hầu hết chỉ tập trung vào các nội dung hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng hoặc các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nông dân cá thể (giống, tập huấn

kỹ thuật). Như vậy, nội dung hỗ trợ phát triển KTTT, HTX thường bị bỏ sót khỏi kế hoạch phát triển KTXH địa phương (trong khi Sở Kế hoạch và Đầu tư khi tham mưu UBND tỉnh ra quyết định phân bổ thường dựa vào kế hoạch phát triển KT-XH của các địa phương gửi).

➤ Chưa thực hiện ưu tiên phân bổ vốn cho phát triển KTTT, HTX vùng khó khăn, vùng miền núi và vùng bãi ngang ven biển.

Cả chương trình NTMQ xây dựng NTM và chính sách hỗ trợ phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg về Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 đều có quy định ưu tiên hỗ trợ các HTX hoạt động trên các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn. Tuy vậy, thực tế khảo sát và tham vấn các cơ quan, ban ngành ở 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đều cho rằng khu vực KTTT, HTX ở vùng khó khăn, vùng miền núi và vùng bãi ngang trên địa bàn tỉnh chậm phát triển, có rất ít mô hình HTX hoạt động hiệu quả. Hầu hết các xã nằm trong khu vực này chưa đạt tiêu chí số 13 về xây dựng NTM. Như vậy, khu vực KTTT, HTX ở vùng khó khăn, vùng miền núi và vùng bãi ngang chưa được quan tâm hỗ trợ phát triển.

Nguyên nhân chính được các địa phương đưa ra là quy định về điều kiện thụ hưởng chính sách khắt khe, hướng đến các HTX có quy mô lớn, các HTX hoạt động SXKD có hiệu quả, các HTX có khả năng đối ứng vốn để nhận hỗ trợ. Trong khi các HTX ở các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn thường là các HTX quy mô nhỏ, yếu kém, khó huy động được vốn để đối ứng nên không đủ điều kiện để thụ hưởng chính sách. Theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT về “*Hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTX nông nghiệp*” theo Quyết định số 2261 thì để được hỗ trợ của nhà nước, các HTX phải đáp ứng các điều kiện:

- ✓ Góp vốn đối ứng tối thiểu 20% tổng mức đầu tư dự án;
- ✓ HTX có hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với các doanh nghiệp có giá trị tối thiểu 300 triệu đồng/năm;
- ✓ HTX được hỗ trợ trụ sở làm việc; sân phơi; nhà kho; cửa hàng vật tư nông nghiệp; xưởng sơ chế, chế biến phải có ít nhất 1 năm đạt tổng doanh thu tối thiểu là 1,0 tỷ đồng (trong thời gian 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ).
- ✓ Riêng đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung còn phải đảm bảo công suất một ngày đêm của cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung do HTX đề nghị hỗ trợ phải đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm.

- ✓ Hỗ trợ công trình thủy lợi nội đồng thì diện tích đất sản xuất do HTX nông nghiệp đảm nhận cấp nước, tưới hoặc tiêu tối thiểu phải đạt 50 ha; Hỗ trợ công trình đường trục chính giao thông nội đồng thì vùng sản xuất nơi xây dựng, nâng cấp trục chính giao thông nội đồng phải có diện tích tối thiểu 50 ha; Hỗ trợ về kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản phải có quy mô vùng nuôi tối thiểu 5 ha.

Rõ ràng, các HTX ở khu vực miền núi, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn rất khó có thể đáp ứng được các điều kiện này. Kết quả là nhiều HTX ở các vùng khó khăn không nhận được hỗ trợ.



4

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH
SÁCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX Ở
ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

4.1 Thực trạng phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2017-2020

4.1.1 Thực trạng phát triển THT

Tính đến tháng 6/2020, tỉnh Hòa Bình có 198 THT (giảm 14,14% so với năm 2017), còn tỉnh Quảng Trị có 2.668 THT (tăng 12,86% so với năm 2017).

Tỉnh Quảng Trị có số lượng THT rất nhiều so với tỉnh Hòa Bình và các tỉnh khác trên

cả nước (trung bình mỗi tỉnh cả nước có khoảng gần 1.000 THT). Theo lí giải của Chi cục PTNT tỉnh Quảng Trị thì lí do là trên địa bàn tỉnh những năm qua có rất nhiều các tổ chức quốc tế triển khai trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ cho người dân thông qua các tổ, nhóm sở thích (THT). Bên cạnh đó, các THT cũng được hình thành và phát triển nhiều theo phong trào do các Hội đoàn thể phát động như: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên dưới dạng các Câu lạc bộ hoặc nhóm sở thích (đều được gọi là THT).

Bảng 5: Số lượng THT hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2017-2020

Tỉnh	2017	2018	2019	Tháng 6/2020	Thay đổi 2020/2017 %
Hòa Bình	226	259	188	198	-14,14
Quảng Trị	2.325	2.626	2.668	2.668	12,86

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo do 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị cung cấp, 2020

Tuy số lượng THT ở tỉnh Quảng Trị nhiều nhưng các THT hiện nay gặp nhiều khó khăn. Hầu như tất cả các THT đều không có trụ sở riêng và đất sản xuất chung; không có tài sản chung, thiếu vốn để sản xuất kinh doanh. Theo đánh giá của Chi cục PTNT tỉnh Quảng Trị, hầu hết các THT hiện nay đều không hoạt động. Chỉ một số ít THT làm nhiệm vụ quản lý thủy nông nội đồng là hoạt động, còn lại các THT khác hầu như không có hoạt động dịch vụ gì để phục vụ thành viên. Trong số này, có rất nhiều THT do các tổ chức quốc tế hỗ trợ thành lập, nhưng khi các dự án kết thúc thì các THT cũng ngừng hoạt động theo (đánh giá của cán bộ Chi cục PTNT tỉnh Quảng Trị). Các THT do các Hội đoàn thể chính trị thành lập chủ yếu hoạt động theo phong trào, thỉnh thoảng tổ chức họp giữa các thành viên để chia sẻ kinh nghiệm trong SXKD là chủ yếu.

Kết quả khảo sát, tham vấn các cán bộ quản lý nhà nước ở tỉnh Quảng Trị cho biết các THT trên địa bàn những năm qua không nhận được bất kỳ hỗ trợ nào của Nhà nước. Các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 thực hiện Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND đều chỉ tập trung hỗ trợ cho các HTX.

Ở Hòa Bình, bên cạnh những THT hoạt động yếu kém vẫn vẫn có một số ít các THT được đánh giá là hoạt động tốt như trường hợp ở HTX chăn nuôi lợn đen Mường Pa ở xã Bao La (huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình) trước kia khi thành lập HTX là THT của một số hộ chăn nuôi lợn đen do tổ chức Good neighbors hỗ trợ. Từ tháng 8/2018, THT đã thành lập HTX chăn nuôi lợn đen Mường Pa với 10 hộ thành viên, quy mô chăn nuôi khoảng 400 con

lợn nái và lợn thịt. Hiện nay HTX còn được tổ chức Good neighbors hỗ trợ cơ sở giết mổ lợn để cung ứng tiêu thụ thịt sạch cho các nhà hàng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Không chỉ có sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, một số địa phương ở Hòa Bình còn có cơ chế chính sách để hỗ trợ cho THT. Điển hình như huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình năm 2017 đã hỗ trợ 180 triệu đồng cho 02 THT thông qua chương trình hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn huyện.

Như vậy có thể thấy, nếu được sự quan tâm hỗ trợ, nhiều THT sẽ hoạt động có hiệu quả, đem lại lợi ích cho thành viên, là tiền đề để phát triển lên HTX, giúp cho phong trào KTTT, HTX ở địa phương phát triển.

4.1.2 Thực trạng phát triển Hợp tác xã

4.1.2.1 Sự phát triển về số lượng HTX

a) Tỉnh Hòa Bình

Tính đến thời điểm tháng 6/2020, toàn tỉnh Hòa Bình có 387 HTX; trong đó có HTX

nông lâm nghiệp thủy sản có 284 HTX chiếm 73,39%. Từ năm 2017 đến tháng 6/2020, số lượng HTX tỉnh Hòa Bình tăng 128 HTX, bình quân tăng 43 HTX/năm. Số lượng HTX tỉnh Hòa Bình tăng mạnh là nhờ UBND tỉnh Hòa Bình có chính sách hỗ trợ cho HTX thành lập mới 15 triệu đồng/HTX và HTX tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012 là 7 triệu đồng/HTX.

b) Tỉnh Quảng Trị

Đối với tỉnh Quảng Trị, tính đến tháng 6/2020, toàn tỉnh có 318 HTX; trong đó có 290 HTX nông nghiệp. Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2017 đến tháng 6/2020 tỉnh Quảng Trị chỉ tăng 27 HTX, bình quân tăng 9 HTX/năm.

So với bình quân chung cả nước, số lượng HTX của tỉnh Quảng Trị chỉ đứng thứ 30 và 31 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố của cả nước. Tốc độ tăng số lượng HTX của Quảng Trị khá chậm, bình quân chỉ 6,5%/năm và đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố cả nước (theo Sách trắng hợp tác xã Việt Nam năm 2020).

Bảng 6: Số lượng HTX hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2017-2020

Tỉnh	2017	2018	2019	Tháng 6/2020	Thay đổi 2020/2017 %
Hòa Bình	259	310	363	387	33,07
Quảng Trị	291	Không có số liệu	310	318	8,49

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo do 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị cung cấp, 2020

4.1.2.2 Thực trạng và hiệu quả hoạt động của các HTX

a) Thực trạng và hiệu quả hoạt động của các HTX tỉnh Hòa Bình

Đến nay, toàn tỉnh Hòa Bình không còn HTX nào ngừng hoạt động hoặc hoạt động hình thức; có 65% số HTX hoạt động khá, tốt; tỷ lệ HTX trung bình chiếm 26,5%; tỷ lệ HTX yếu

kém chiếm 8,5%. Theo Sở NN&PTNT tỉnh Hòa Bình, tổng doanh thu năm 2019 của các HTX nông nghiệp tỉnh đạt bình quân 3,38 tỷ đồng/HTX, lợi nhuận bình quân đạt 317,65 triệu đồng/HTX. Nhìn chung, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của HTX ở tỉnh Hòa Bình đã đóng góp nhiều cho ngân sách nhà nước và góp phần vào phát triển kinh tế xã hội tại các địa phương.

Trong xây dựng nông thôn mới, HTX đóng vai trò nòng cốt trong việc thực hiện các mô hình sản xuất theo quy hoạch; thực hiện tiêu chí nâng cao thu nhập cho nông dân. Hiện nay toàn tỉnh Hòa Bình có 121/191 xã đạt tiêu chí 13 về tổ chức sản xuất HTX trong xây dựng NTM. Trong chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đến nay toàn tỉnh Hòa Bình đã có 26 sản phẩm của 20 HTX được xếp hạng và chứng nhận sản phẩm OCOP, trong đó có 08 sản phẩm 4 sao, 18 sản phẩm 3 sao.

Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của HTX tỉnh Hòa Bình có xu hướng giảm trong giai đoạn 2017-2019, cụ thể: tốc độ tăng thu nhập bình quân/người/tháng của lao động trong HTX đang hoạt động có xu hướng giảm bình quân 22,2%/năm; tốc độ tăng doanh thu thuần trong HTX đang hoạt động giảm bình quân 15%/năm. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết phải hỗ trợ để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, chứ không chỉ tăng số lượng HTX thành lập mới.

b) Thực trạng và hiệu quả hoạt động của các HTX tỉnh Quảng Trị

Đối với các HTX tỉnh Quảng Trị, hiệu quả hoạt động, quy mô HTX, doanh thu và thu nhập của các HTX thời gian qua tăng trưởng cao, hỗ trợ hiệu quả cho phát triển kinh tế hộ thành viên. Cụ thể, năm 2019, doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ của bình quân HTX chung toàn tỉnh đạt 2,8 tỷ đồng/HTX; lợi nhuận bình quân đạt 380 triệu đồng/HTX. Số HTX hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ có lãi chiếm trên 90% tổng số HTX cả tỉnh. Đặc biệt, tỉnh Quảng Trị còn có chương trình hỗ trợ xây dựng HTX kiểu mới, theo đó ngân sách tỉnh thưởng 20 triệu đồng/HTX thực hiện mô hình HTX kiểu mới theo tiêu chí tỉnh ban hành.

Đến nay, toàn tỉnh có 49,8% HTX được xếp loại tốt, khá, 45,6% loại trung bình và 4,6% xếp loại yếu kém theo Thông tư số 09/2017/BNNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT

(Chi cục PTNT tỉnh Quảng Trị, 2020). Hiện toàn tỉnh có 30 HTX được tỉnh công nhận là HTX kiểu mới, đem lại hiệu quả thiết thực cho thành viên, góp phần nâng cao thu nhập cho thành viên và đẩy mạnh phong trào xây dựng NTM.

Tuy vậy, thu nhập bình quân/tháng của lao động làm việc trong HTX của tỉnh Quảng Trị chỉ đạt 2,4 triệu đồng/người/tháng (đứng thứ 53/63 tỉnh, thành phố cả nước); và của tỉnh Hòa Bình cũng chỉ đạt bình quân 3,6 triệu đồng/người/tháng (đứng thứ 35/63 tỉnh, thành phố cả nước). Cả 02 tỉnh. Nhìn chung, mức thu nhập bình quân/tháng của lao động làm việc trong HTX thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (3,8 triệu đồng/người/tháng).

4.1.3 Vai trò của HTX đối với thành viên và nông dân

Theo báo cáo của Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình, hiện nay các HTX có khoảng 12.638 thành viên, tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 21.600 lao động (tăng 63,17% so với năm 2015), thành viên HTX chủ yếu là hộ gia đình (chiếm 97,4%). HTX giúp thu nhập của các hộ thành viên tăng trung bình khoảng 14% nhờ giảm giá vật tư đầu vào và tăng giá bán đầu ra các sản phẩm. Ở nhiều nơi HTX đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. HTX nông nghiệp là hình thức tổ chức sản xuất tốt nhất để khắc phục tình trạng sản xuất manh mún nhỏ lẻ, có thể tập trung nguồn lực, đặc biệt tập trung đất đai để sản xuất lớn.

Còn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, hiện nay các HTX có đến 94.943 thành viên tham gia. Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong các HTX là 2.200 lao động. Tổng số cán bộ làm việc trong các HTX là 2.907 người.

Nhìn chung, trên địa bàn hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị xuất hiện ngày càng nhiều HTX làm tốt dịch vụ đầu vào cho hộ thành viên,

hiệu quả hoạt động dịch vụ tốt hơn trước, đơn giá dịch vụ giảm, chất lượng dịch vụ được nâng cao, hỗ trợ tích cực cho kinh tế hộ phát triển mạnh, cạnh tranh có hiệu quả với các thành phần kinh tế khác trong nông thôn. Ngoài các dịch vụ đầu vào, đã có một số HTX làm dịch vụ đầu ra (tiêu thụ sản phẩm) cho các hộ thành viên, tuy lợi nhuận chưa cao nhưng đã xác định một hướng đi mới trong hoạt động của HTX.

Thông qua HTX các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ có điều kiện được liên kết với nhau để tổ chức sản xuất với quy mô lớn hơn; tăng cường năng lực về vốn, tài sản, khoa học kỹ thuật, cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Do đó tiết kiệm được chi phí, tạo ra những sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao hơn, thị trường tiêu thụ ổn định, đời sống của thành viên và lao động được tăng lên đáng kể, góp phần xóa đói giảm nghèo tại cộng đồng.

Thực tế khảo sát các hộ nông dân thành viên của các HTX ở 02 tỉnh cho thấy: 100% ý kiến

thành viên HTX ở Hòa Bình và 96,6% ý kiến thành viên HTX ở Quảng Trị đều trả lời họ rất hài lòng khi tham gia vào HTX. Những lí do mà thành viên hài lòng khi tham gia HTX là họ nhận được nhiều lợi ích mà HTX đem lại như: i) Được sử dụng các dịch vụ do HTX cung cấp thuận tiện; giá rẻ hơn; ii) Giúp tiêu thụ sản phẩm dễ dàng hơn; iii) Giúp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hơn; iv) Giúp giảm chi phí sản xuất nhờ sử dụng các dịch vụ đầu vào do HTX cung cấp; v) Tham gia HTX được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước (giống, phân bón, thuốc BVTV); vi) Được tham gia các lớp tập huấn, hướng dẫn phòng trừ dịch bệnh; vii) Đặc biệt, các thành viên tham gia HTX có cơ hội giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất với nhau.

Ngoài ra, có đến 100% ý kiến hộ khảo sát ở Quảng Trị và 82,8% ý kiến hộ khảo sát ở Hòa Bình cho rằng HTX giúp tăng thu nhập cho hộ, giúp phát triển kinh tế cho hộ gia đình thành viên.

Bảng 7: Ý kiến (%) đánh giá của thành viên về vai trò của HTX

STT	Nội dung	Hòa Bình	Quảng Trị
1	Dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng thông qua HTX	20,5	16,7
2	Tiếp cận các nguồn vốn tín dụng với chi phí thấp hơn thông qua HTX	13,6	6,7
3	Nâng cao hiệu quả sản xuất	29,5	43,3
4	Giúp mở rộng sản xuất kinh doanh của hộ	20,5	13,3
5	Tiết kiệm được chi phí SXKD	2,3	16,7
6	Tăng thu nhập nhờ có việc làm ở HTX	55,2	33,9
7	Nâng cao thu nhập nhờ bán sản phẩm qua HTX với giá cao hơn	31,0	16,1
8	Tăng thu nhập nhờ các khoản vốn góp vào HTX	13,8	37,5

Nguồn: Kết quả khảo sát hộ thành viên HTX, tháng 6/2020

4.2 Kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị

4.2.1 Kết quả thực hiện chính sách phát triển HTX tỉnh Hòa Bình

a) Đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh đã thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng sau:

- Tổ chức 36 lớp bồi dưỡng cho khoảng 1.440 lượt cán bộ quản lý và thành viên HTX với tổng kinh phí hỗ trợ là 2,7 tỷ đồng;
- Tổ chức 20 hội nghị tuyên truyền pháp luật cho hàng trăm lượt thành viên, người lao động với tổng kinh phí 672,3 triệu đồng;
- Tổ chức 08 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 750 lượt cán bộ công chức cấp huyện, cấp xã về kinh tế tập thể và HTX với tổng kinh phí thực hiện là 225 triệu đồng.

Các nội dung bồi dưỡng, đào tạo chú trọng đến kinh nghiệm thực tiễn như: các chuyên đề về tài chính, kế toán HTX, quản trị chuỗi giá trị, phổ biến pháp luật về HTX, bảo hiểm xã hội, lao động, đất đai, môi trường,... góp phần nâng cao năng lực của cán bộ, thành viên HTX, từ đó quản lý HTX có hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, thực hiện kế hoạch số 162/KH-UBND của UBND tỉnh Hòa Bình về thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn ở HTX, trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh Hòa Bình đã hỗ trợ đưa 17 cán bộ trẻ về làm việc tại các vị trí kế toán và kỹ thuật tại 13 HTX. Qua đó giúp tăng cường nhân lực có chất lượng cao cho các khâu trọng yếu, giúp các HTX nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển sản xuất kinh doanh.

b) Hỗ trợ thành lập mới và tổ chức lại hoạt động HTX

Hàng năm, UBND tỉnh Hòa Bình đều bố trí phân bổ kinh phí ngân sách để hỗ trợ cho HTX thành lập mới là 15 triệu đồng/HTX và HTX tổ chức lại theo Luật HTX là 7 triệu đồng/HTX. Kết quả, trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh đã hỗ trợ thành lập mới cho 142 HTX và 89 HTX tổ chức lại theo Luật HTX 2012, tổng kinh phí đã hỗ trợ là 2,295 tỷ đồng, mặc dù số tiền hỗ trợ không lớn song là nguồn động viên to lớn, khuyến khích và tạo động lực cho các HTX phát triển.

c) Xúc tiến thương mại, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm

Hoạt động xúc tiến thương mại được chú trọng tăng cường, Sở Công thương và Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình tỉnh đã hỗ trợ 200 lượt HTX tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh. Năm 2018, tỉnh đã huy động được nguồn lực xã hội hóa để tổ chức thành công 01 hội nghị kết nối cung cầu cho các HTX với các tập đoàn, doanh nghiệp, siêu thị tiêu thụ trong nước. Các năm 2019 - 2020, tỉnh đã tổ chức tuần lễ hàng nông sản tỉnh Hòa Bình tại hệ thống siêu thị Saigon Coop tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời thường xuyên kết nối, hỗ trợ cho các HTX quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, đã giúp nhiều HTX đưa được hàng hóa vào các siêu thị.

d) Hỗ trợ vốn và tiếp cận tín dụng

Liên minh HTX tỉnh hỗ trợ vốn vay cho các HTX bằng hai nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX; trong đó: đã hỗ trợ 03 HTX vay vốn Quỹ hỗ trợ HTX Việt Nam 5,3 tỷ đồng; hỗ trợ 38 HTX vay vốn Quỹ hỗ trợ HTX tỉnh 6,788 tỷ đồng.

Thực hiện tư vấn hướng dẫn nhiều HTX tiếp cận vay vốn ngân hàng đạt kết quả, đến hết năm 2020 dư nợ cho vay của các Ngân hàng đối với các HTX ước đạt 53 tỷ đồng, tăng

48,087 tỷ đồng so với năm 2016, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của HTX. Tuy nhiên thực tế số HTX được vay vốn ngân hàng chưa nhiều, do HTX chưa đáp ứng tốt các điều kiện như: năng lực quản lý, tài sản hạn chế; không có phương án SXKD hiệu quả; thiếu tài sản đảm bảo; quản lý tài chính, kế toán chưa bài bản.

e) Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp

Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề xuất UBND tỉnh phê duyệt chủ trương hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho 24 HTX, các dự án đầu tư hạ tầng về trụ sở, nhà kho, sân phơi, hệ thống tưới, giao thông nội đồng... với tổng mức đầu tư 14,3 tỷ đồng.

f) Xây dựng các mô hình HTX kiểu mới liên kết sản xuất gắn với chuỗi giá trị

Hiện trên địa bàn tỉnh đã xây dựng và triển khai 05 dự án xây dựng HTX gắn với chuỗi giá trị sản phẩm, gồm: 02 dự án về liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả và rau an toàn theo chuỗi giá trị giai đoạn 2018-2020 (hỗ trợ 05 HTX tham gia); xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm cá lòng hồ sông Đà cho HTX Nông nghiệp Vẫy Nứa; 02 dự án chuỗi giá trị sản phẩm cam Cao Phong tại HTX Hà Phong và Gà đồi Lạc Sơn tại HTX chăn nuôi và cung ứng gà Chí Thiện.

g) Các chính sách hỗ trợ khác (thuế, đất đai, tư vấn pháp luật)

Hoạt động này chủ yếu do Liên minh HTX phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh để thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho nhiều HTX xây dựng các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về thuê đất, đầu tư, thuế, giao quản lý công trình thủy lợi, nước sạch, điện,... đạt kết quả. Trong giai đoạn 2017-2020, toàn tỉnh có 24 HTX được thẩm định nhu cầu sử dụng đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phục vụ hoạt động, nhiều HTX được giao quản lý

các công trình thủy lợi, công trình nước sạch nhỏ ở nông thôn. Ngoài ra, có rất nhiều HTX được tư vấn, hỗ trợ về các vấn đề liên quan đến thành lập và giải thể HTX, quản lý và điều hành HTX, về tài chính, thuế, lao động, xây dựng điều lệ.

4.2.2 Kết quả thực hiện chính sách phát triển HTX tỉnh Quảng Trị

a) Truyền truyền, phổ biến pháp luật

Liên minh HTX tỉnh thường xuyên phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình tỉnh sản xuất 60 chuyên mục, biên tập và xuất bản trên 16 bản tin KTTT, HTX; tuyên truyền phổ biến pháp luật trực trên 166 đợt cho trên 4.790 lượt người tham gia; cung cấp và thông tin tuyên truyền hàng chục tin bài trên Website của Liên minh HTX tỉnh và cơ quan báo chí trên địa bàn. Nhờ vậy, đã dần nâng cao được nhận thức, vai trò, vị trí của KTTT, HTX cho người nông dân, thành viên của các HTX và các cán bộ quản lý HTX.

b) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Về bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX:

Từ năm 2017- 2019, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị đã tổ chức bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ HTX xây dựng kiểu mới với 300 lượt cán bộ chủ chốt HTX để nâng cao được trình độ quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.

Ngoài ra, Liên minh HTX tỉnh Quảng Trị còn tổ chức tập huấn chuyên đề, chuyên môn cho trên 26 lớp, với trên 1.100 lượt người tham gia. Tổng kinh phí 901,6 triệu đồng, trong đó NSTW 830 triệu đồng, Ngân sách tỉnh 71,6 triệu đồng.

- Về hỗ trợ thí điểm đưa cán bộ trẻ về làm việc tại HTX:

Từ năm 2018 đến tháng 6/2020, có 05 HTX trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ thí điểm 05

cán bộ trẻ có trình độ đại học về làm việc tại HTX ở 4 huyện (Hương Hóa, Đakrong, Cam Lộ, Vĩnh Linh và Hải Lăng), một số cán bộ về làm việc tại HTX đã phát huy tốt vai trò, chức năng của mình trong việc hỗ trợ các HTX phát triển như: HTX Chân Mây, HTX Văn Pa. Cán bộ HTX được hỗ trợ trả lương theo mức lương tối thiểu vùng, đến nay đã hỗ trợ trả lương cho 05 cán bộ trong thời hạn 17 tháng, năm 2020 được bố trí 185 triệu để tiếp tục hỗ trợ (thời hạn hỗ trợ là 36 tháng theo quy định).

c) Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của HTX

Giai đoạn 2017- 2019, tổng số HTX được thành lập mới 35 HTX, trong đó Liên minh HTX tỉnh hỗ trợ cho 19 HTX phi nông nghiệp, Chi cục PTNT hỗ trợ cho 16 HTX nông nghiệp và 01 Liên hiệp HTX nông nghiệp. Ngoài ra, Liên minh HTX tỉnh còn tư vấn hỗ trợ cho 30 tổ nhóm có nhu cầu thành lập mới HTX với kinh phí 219 triệu đồng.

Nội dung hỗ trợ gồm: tư vấn thông tin, tập huấn kiến thức về quan điểm, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hỗ trợ hoàn thiện thủ tục hồ sơ thành lập và đăng ký kinh doanh cho HTX, tư vấn hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, điều lệ HTX và kỹ năng điều hành hoạt động HTX trong tình hình mới.

d) Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Hàng năm, Chi cục PTNT được bố trí kinh phí hỗ trợ và tạo điều kiện cho các HTX, liên hiệp HTX và các cá nhân tham gia xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ

giới thiệu sản phẩm hàng hóa tiêu biểu ra thị trường; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử với nguồn kinh phí bố trí hàng năm trung bình khoảng 300 - 500 triệu đồng/năm (bao gồm nguồn kinh phí từ Chương trình MTQG xây dựng NTM, nguồn vốn cây con chủ lực và lồng ghép từ các tổ chức phi chính phủ) để hỗ trợ cho các đối tượng tham gia.

đ) Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTX nông nghiệp

Từ năm 2019, UBND tỉnh đã phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển từ chương trình MTQG xây dựng NTM để hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho HTX nông nghiệp với số tiền 2,55 tỷ đồng cho 14 HTX nông nghiệp bao gồm các nội dung về kênh mương, đường giao thông vào khu sản xuất, cửa hàng vật tư nông nghiệp, sản phẩm, chợ nông sản, điện sản xuất. Năm 2020, UBND tỉnh phân bổ kinh phí 12,99 tỷ đồng cho 36 HTX để hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các HTX.

e) Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và chế biến sản phẩm

Từ năm 2018 đến tháng 6/2020, Chi cục PTNT tỉnh đã hỗ trợ cho 10 HTX nông nghiệp được tiếp cận các máy móc, thiết bị hiện đại trong sản xuất, chế biến sản phẩm²¹. Đây là chính sách phục vụ rất thiết thực và hiệu quả nhu cầu cho các HTX và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, tuy nhiên với quy định về đối ứng (vùng đồng bằng là 50%, vùng miền núi là 30%) nên một số HTX vẫn chưa mạnh dạn trong việc đối ứng và đầu tư để tiếp cận chính sách hỗ trợ này.

²¹ Các HTX được hỗ trợ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và chế biến bao gồm: HTX Chân Mây (huyện Bắc Hương Hóa) được hỗ trợ giàn phơi tự nhiên và máy xay xát chế biến cà phê sạch theo hướng hữu cơ, HTX Cổ Mỹ (huyện Vĩnh Giang) được hỗ trợ máy nghiền bột mịn và xay đậu xanh tằm, HTX Tân Hợp (huyện Hương Hóa) với máy chế biến sản phẩm gừng, nghệ; HTX Thành Công (huyện Vĩnh Linh) được hỗ trợ hệ thống làm mát và máy phát điện phục vụ chăn nuôi lợn, HTX Nông sản sạch canh tác tự nhiên (huyện Triệu Phong) được hỗ trợ máy móc trong chế biến gạo sạch canh tác tự nhiên; HTX Quang Hạ (huyện Gio Linh) và HTX Cam An (huyện Cam Lộ) được hỗ trợ máy móc trong chế biến gạo sạch, HTX Trường Sơn (huyện Cam Lộ) được hỗ trợ máy chiết xuất tinh dầu để sản xuất dược liệu; HTX Đông Triều (huyện Triệu Phong) được hỗ trợ hệ thống sấy lạnh trong chế biến sản phẩm ớt; HTX Kinh Môn (huyện Gio Linh) được hỗ trợ máy móc trong chăm sóc và khai thác gỗ rừng trồng.

f) Chính sách hỗ trợ tín dụng

Nhìn chung các HTX, phần lớn chưa tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước để phát triển HTX. Các HTX trên địa bàn tỉnh tiếp cận nguồn vốn tín dụng còn gặp rất nhiều khó khăn, một mặt là do ngân hàng đòi hỏi phải có tài sản thế chấp, một mặt là các ngân hàng thương mại không mặn mà cho HTX vay vốn vì sợ rủi ro cao, HTX nông nghiệp thường xuyên bị ảnh hưởng bởi yếu tố khách quan (thien tai, dịch bệnh...). Ngoài ra phương án sản xuất kinh doanh chưa thuyết phục ngân hàng cho vay... Điều này gây khó khăn rất lớn cho các HTX, các HTX không đủ nguồn vốn hoạt động và mở mang các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Vấn đề tiếp cận vốn là một rào cản lớn nhất hiện nay đối với Quảng Trị cũng như tình hình chung cả nước, tại Quảng Trị chỉ khoảng 4% HTX nông nghiệp được tiếp cận vốn tín dụng và 7% HTX nông nghiệp đang vay vốn từ Quỹ hỗ trợ HTX.

g) Chính sách hỗ trợ về đất đai

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 239 HTX nông nghiệp có đất xây dựng trụ sở và sản phẩm, kho tàng, số HTX còn lại chưa có trụ sở thì chủ yếu mượn trung tâm học tập cộng đồng của thôn, xóm hoặc là nhà của Giám đốc HTX để hoạt động.

Nhìn chung chính sách đất đai hỗ trợ cho HTX rất khó thực hiện đa phần các HTX thành lập trước đây thì được nhà nước cấp đất, còn các HTX thành lập mới sau này chưa có trụ sở làm việc, chủ yếu các HTX tự mua đất xây dựng trụ sở và kho bãi.

Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thu tiền: đây là chính sách chủ yếu trong HTX nông nghiệp và được Sở Tài nguyên và Môi trường tạo điều kiện cho các HTX tham gia thực hiện nhưng các HTX có đất không thể chấp được ngân hàng để vay vốn phát triển sản xuất trong HTX nên nhiều

HTX chưa quan tâm thực hiện. Đến nay toàn tỉnh có 108 HTX được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 1.044.711 m², chiếm 31,85%/tổng số HTX, trong đó có 52 HTX giao đất và có 56 HTX cấp giấy chứng nhận thuê đất, 11 HTX tự mua đất xây dựng trụ sở.

h) Chính sách xây dựng HTX kiểu mới

Liên minh HTX tỉnh đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ các HTX xây dựng HTX kiểu mới, HTX điển hình tiên tiến cấp tỉnh theo Quyết định 2299/QĐ-UBND và Quyết định 789/QĐ-UBND của UBND tỉnh, qua đó UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng HTX kiểu mới, HTX điển hình tiên tiến cấp huyện, lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh công nhận HTX kiểu mới cấp tỉnh. Đến nay, toàn UBND tỉnh đã công nhận 30 HTX kiểu mới.

i) Chính sách về BHXH cho người lao động

Thực hiện Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND, đến nay tỉnh Quảng Trị đã hỗ trợ cho 39 HTX, trong đó có 140 người tham gia đóng bảo hiểm xã hội, với kinh phí 424,2 triệu đồng. Số người tham gia đóng BHXH là 120/2.907 lao động, đạt 4,6% trong tổng số lao động thường xuyên làm việc trong khu vực KTTT, HTX.

4.2.3 Đánh giá chung về kết quả thực hiện chính sách KTTT, HTX ở 02 tỉnh

Trong giai đoạn 2017-2020, cả 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đều đã ban hành nhiều cơ chế chính sách để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Mặc dù là 02 tỉnh nghèo, nhưng cả hai tỉnh đều đã rất quan tâm bố trí nguồn lực để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Dù vậy, số lượng các HTX, THT và thành viên nông dân nhận được hỗ trợ từ các chính sách do tỉnh ban hành rất hạn chế so với nhu cầu thực tế của các HTX, THT và cả so với nhu cầu đề xuất của các Sở, ban ngành, địa phương. Cụ thể như sau:

- Tỉnh Hòa Bình hiện có tổng số 387 HTX và 198 THT, nhưng theo báo cáo của Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình thì trong giai đoạn 2017-2020: chỉ có 8 HTX được hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị; 41 HTX được hỗ trợ vay vốn; 24 HTX được hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng; chỉ có 13 HTX được tỉnh hỗ trợ đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn 2-3 năm tại HTX (ngân sách tỉnh hỗ trợ trả lương, bảo hiểm cho cán bộ về làm việc có thời hạn tại HTX). Một số chính sách được nhiều HTX tiếp cận đó là: hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường (200 HTX); hỗ trợ thành lập mới và tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX năm 2012 (142 HTX); tập huấn cho cán bộ quản lý HTX (36 lớp với 1.440 lượt người tham gia) (*tham khảo thêm trong Phụ lục 2*).
- Tỉnh Quảng Trị hiện có 318 HTX và 2.668 THT nhưng số lượng HTX, THT được thụ hưởng chính sách cũng rất ít, nhất là các chính sách tín dụng vay vốn, đất đai, xúc tiến thương mại, hỗ trợ hạ tầng, trang thiết bị máy móc cho HTX... Cụ thể: chỉ khoảng 4% HTX nông nghiệp được tiếp cận vốn tín dụng và 7% HTX nông nghiệp đang vay vốn từ Quỹ hỗ trợ HTX; 10 HTX được hỗ trợ tham gia hội chợ xúc tiến thương mại trong nước để giới thiệu sản phẩm; hỗ trợ 35 HTX thành lập mới; hỗ trợ 5 cán bộ tốt nghiệp cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn 17 tháng cho 5 HTX; chỉ có 14 HTX nông nghiệp được hỗ trợ kết cấu hạ tầng; 10 HTX nông nghiệp được tiếp cận các máy móc, thiết bị hiện đại trong sản xuất, chế biến sản phẩm. Chính sách đất đai cho HTX hầu như không thực hiện được. Không có chính sách cho THT.

Những nguyên nhân dẫn đến việc có rất ít các HTX, THT nhận được hỗ trợ đó là: i) Các tỉnh thiếu nguồn vốn để bố trí thực hiện chính sách; ii) Công tác tuyên truyền, phổ biến chính

sách chưa phổ biến đến đa số các HTX, người dân, nhất là ở những vùng khó khăn, miền núi, vùng có nhiều đồng bào DTTS sinh sống; iii) Nội dung chính sách còn nhiều điểm bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp nên các HTX, THT không đủ điều kiện tiếp cận; iv) Năng lực, hiệu quả hoạt động của các HTX, THT yếu kém nên gặp nhiều khó khăn từ khâu tiếp cận đến thực hiện chính sách (tiếp cận thông tin chính sách; tìm hiểu thủ tục, hồ sơ, điều kiện thụ hưởng; khả năng xây dựng kế hoạch, dự án kinh doanh, vay vốn khả thi;...). Những nguyên nhân này sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần tiếp theo của báo cáo này.

4.3 Tồn tại, hạn chế trong thực hiện chính sách phát triển KTTT, HTX

4.3.1 Năng lực, hiệu quả hoạt động của HTX, THT còn hạn chế

Nhìn chung, trình độ và năng lực của cán bộ HTX ở hai tỉnh còn thấp, chưa được đào tạo phù hợp, bồi dưỡng kịp thời, năng lực và kinh nghiệm còn yếu nên gặp khó khăn trong công tác quản trị, điều hành HTX. Phần lớn thành viên các HTX, nhất là người nông dân còn mang nặng lối tư duy sản xuất tự do, nhỏ lẻ, một số còn tư tưởng ỷ lại vào HTX và trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình, trong số các cán bộ quản lý HTX hiện nay, số cán bộ có trình độ Đại học, cao đẳng chỉ chiếm khoảng 9,7%, trình độ trung cấp chiếm khoảng 60,5%, số cán bộ chưa qua đào tạo, bồi dưỡng chiếm khoảng 29,8%. Trình độ của đội ngũ cán bộ HTX của tỉnh Quảng Trị còn thấp hơn so với tỉnh Hòa Bình, cụ thể: có 8% cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học; 47,3% cán bộ có trình độ trung cấp, sơ cấp; còn lại chủ yếu bồi dưỡng ngắn hạn.

Do trình độ năng lực quản trị còn yếu nên nhiều cán bộ HTX lúng túng trong định hướng

hoạt động, đầu ra không ổn định, thiếu năng lực về cơ sở vật chất, vốn, nhân lực để có thể thực hiện kế hoạch, dự án quy mô lớn. HTX chưa có các thương hiệu sản phẩm mạnh đủ sức cạnh tranh, một số phải bán sản phẩm với tên nhãn của các doanh nghiệp khác. Chưa có nhiều HTX tổ chức được dịch vụ bảo quản, chế biến sản phẩm cho thành viên. Số mô hình HTX liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn chưa nhiều.

Bên cạnh đó, các HTX hoạt động còn manh mún, nhỏ lẻ, chủ yếu hoạt động các dịch vụ đầu vào, số HTX nông nghiệp làm dịch vụ đầu ra còn rất hạn chế, xu hướng liên kết giữa các HTX còn yếu; sức cạnh tranh trên thị trường thấp, nên việc HTX chủ động đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất còn nhiều hạn chế, các doanh nghiệp chưa thực sự mặn mà đầu tư liên kết với các HTX.

Nhiều HTX từ thời bao cấp, nay mặc dù đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012, tuy nhiên, do vẫn quen với kiểu vận hành cũ, không có vốn kinh doanh, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị xuống cấp, nợ phải thu và phải trả lớn; khả năng huy động vốn thấp; khả năng quản lý tài chính thiếu chặt chẽ, chưa đúng quy định. Nhiều HTX sau khi tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012 nhưng chưa đổi mới ngành nghề, dịch vụ sản xuất kinh doanh mà chỉ làm một số khâu dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi, bảo vệ đồng ruộng,...). Vì vậy, năng lực cạnh tranh của các HTX còn thấp, lợi ích mang lại cho thành viên chưa cao; chưa tham gia được liên doanh, liên kết để cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra được cho thành viên.

Thực tế, ở tỉnh Hòa Bình đến nay vẫn còn 26,5% HTX trung bình và 8,5% HTX yếu kém; tỉnh Quảng Trị có 45,6% loại trung bình và 4,6% xếp loại yếu kém theo đánh giá phân loại của Thông tư số 09/2017/BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Các THT được

thành lập theo phong trào, hầu như không hoạt động, không hỗ trợ được gì cho các thành viên, nông dân.

Nhiều HTX chỉ tồn tại trên danh nghĩa, biểu hiện như: HTX không góp vốn điều lệ, không có hoạt động chung, không có doanh thu, không có sổ sách kế toán, báo cáo tài chính. Đây là các HTX được lập ra, hoặc được duy trì vì các lý do khác chứ không phải lý do phục vụ thành viên. Một trong các lý do cho việc tồn tại các HTX danh nghĩa này là để đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.

Ngoài ra, các HTX nông nghiệp hầu như như không có quỹ đất chung, chủ yếu là đất canh tác của hộ thành viên nhưng quy mô của HTX nhìn chung là nhỏ. Nguồn tài sản, vốn của HTX rất thấp nên gặp nhiều khó khăn để tiếp cận vốn tín dụng, khó mở rộng các hoạt động mới.

Tóm lại, năng lực của cán bộ quản lý HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị còn nhiều hạn chế, tài sản, vốn ít, doanh thu và lợi nhuận thấp trong khi HTX là một tổ chức kinh tế tập thể, hoạt động phải tuân theo các quy định pháp luật nên nhiều HTX hiện nay khó đáp ứng yêu cầu như là một HTX. Nhiều HTX không có hệ thống sổ sách kế toán rõ ràng, không làm báo cáo thuế, không có lợi nhuận để trả lương cho cán bộ.

4.3.2 Nguồn vốn hỗ trợ ít, thiếu nguồn lực để thực thi chính sách

Thời gian qua, Chính phủ và các Bộ, ngành và các địa phương (trong đó có 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị) đã ban hành rất nhiều chính sách để hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT, HTX. Tuy vậy, khu vực KTTT, HTX cả nước nói chung, đặc biệt ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị hiện vẫn còn yếu kém cả về số lượng và hiệu quả hoạt động như đã chỉ ra ở phần trên. Nguyên nhân chính là các địa phương thiếu nguồn lực để thực hiện, nhất là những tỉnh nghèo chưa tự chủ được ngân

sách như hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, chủ yếu dựa vào nguồn vốn do ngân sách trung ương cấp để thực thi các chính sách phát triển KTTT, HTX trên địa bàn.

Hiện nay, nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ KTTT, HTX chủ yếu được bố trí từ Chương trình MTQG xây dựng NTM do Trung ương cấp. Tuy nhiên, như đã phân tích ở những phần trên, ngay từ văn bản Trung ương ban hành không quy định cụ thể Chương trình MTQG xây dựng NTM cần phải dành tỷ lệ tối thiểu bao nhiêu để hỗ trợ KTTT, HTX hoặc để thực hiện tiêu chí số 13 trong xây dựng NTM. Cùng với đó, Trung ương cũng chưa quy định bắt buộc địa phương vào bố trí nguồn vốn hàng năm tối thiểu là bao nhiêu để phát triển KTTT, HTX. Hậu quả là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển KTTT, HTX được ban hành rất nhiều nhưng lại thiếu nguồn lực để thực thi chính sách. Rất ít HTX, THT được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách thông qua các chính sách do tỉnh ban hành.

4.3.3 Các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX chưa được phổ biến rộng rãi đến tất cả các HTX, THT và người dân

Để phổ biến thông tin, chính sách, hàng năm Liên minh HTX các tỉnh và các Sở, ngành, đoàn thể ở địa phương đều rất tích cực tổ chức tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh truyền hình của địa phương; trên các trang Web của các cơ quan, hoặc thông qua các hội nghị tuyên truyền; các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; các cuộc họp của các hội đoàn thể chính trị.

Tuy nhiên, do nguồn kinh phí thực hiện ít, hoặc không có nên việc phổ biến chính sách chưa được rộng rãi. Chẳng hạn trong cả giai đoạn 2017-2020 tỉnh Hòa Bình mới chỉ tổ chức được 20 hội nghị tuyên truyền pháp luật cho thành viên HTX và người lao động với

tổng kinh phí 672,3 triệu đồng; tỉnh Quảng Trị không bố trí ngân sách cho truyền truyền, phổ biến pháp luật về KTTT, HTX mà chủ yếu do Liên minh HTX tỉnh huy động từ các chương trình, dự án ngoài ngân sách. Vì thế, rất ít HTX, THT đặc biệt là rất ít các thành viên, nông dân nắm bắt được kịp thời về các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX của Nhà nước. Không chỉ HTX, người dân mà ngay cả các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX ở địa phương, nhất là ở cấp huyện, xã cũng có nhiều người chưa nắm bắt đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách về KTTT, HTX của nhà nước.

Do không nắm bắt được đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của nhà nước nên ở một số nơi còn tồn tại rất phổ biến những nhận thức chưa đúng hoặc cố tình thực hiện không đúng với bản chất của HTX, trái với quy định của Luật HTX năm 2012. Ở một số nơi, người dân e ngại và chưa thực sự tin tưởng vào HTX; chính quyền cơ sở (xã, thôn) vẫn tư duy KTTT, HTX như là một tổ chức của chính quyền, là công cụ kéo dài của chính quyền, nên có những can thiệp trực tiếp vào tổ chức, hoạt động của HTX. Rõ nét nhất là can thiệp vào việc chỉ định cán bộ quản lý HTX, chỉ đạo hoạt động của HTX. Nhiều chính quyền xã can thiệp vào HTX để thực hiện các quyết định liên quan đến kế hoạch sản xuất tại địa phương (thời vụ sản xuất của cả xã). Qua khảo sát cho thấy, nhiều HTX và thành viên HTX, kể cả cán bộ quản lý HTX họ vẫn nghĩ HTX là để phục vụ chính quyền nên luôn có suy nghĩ đòi hỏi phải có sự hỗ trợ từ nhà nước để cho HTX hoạt động, từ đó dẫn đến tâm lý ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước.

4.3.4 Nhiều chính sách hỗ trợ KTTT, HTX chưa thực sự công bằng giữa các địa bàn, đối tượng thụ hưởng

Nhiều chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX hiện nay thường hỗ trợ theo phương thức cào bằng, dàn trải để nhiều HTX, nhiều

địa phương cùng được hưởng lợi. Trong điều kiện thiếu nguồn lực để thực thi chính sách thì việc hỗ trợ theo phương thức cao bằng, dàn trải sẽ dẫn đến sự manh mún và hiệu quả thực thi chính sách không cao, chông chéo chính sách. Chẳng hạn, nguồn vốn ngân sách sự nghiệp chương trình NTM năm 2020 của tỉnh Hòa Bình là 91,7 tỷ đồng nhưng được cấp cho 34 đơn vị là các Sở, ban, ngành và các huyện.

Tuy vậy, việc phân bổ mang tính cào bằng khác với tính công bằng, và thực tiễn việc phân bổ ngân sách triển khai chính sách phát triển KTTT, HTX ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị thời gian qua dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn có một số điểm thiếu công bằng như sau:

- Chủ yếu hỗ trợ HTX, chưa quan tâm đến hỗ trợ THT. Các tỉnh hầu như không bố trí ngân sách để hỗ trợ THT; chỉ một số ít huyện như huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình năm 2017 tự bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp hỗ trợ 180 triệu đồng cho 02 THT thông qua chương trình hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn huyện. Nhiều chính sách được các tỉnh xây dựng để hỗ trợ cho cả HTX và THT như: Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị đều thiết kế nội dung hỗ trợ THT, nhưng trong thực tế triển khai không có THT nào được hỗ trợ.
- Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ KTTT, HTX theo Quyết định 2261 chủ yếu được bố trí từ Chương trình MTQG xây dựng NTM, do đó các HTX nông nghiệp có trụ sở ở khu vực các phường, thị trấn không được hỗ trợ đầu tư hạ tầng. Trong khi đây là những HTX có vị trí thuận lợi để phát triển tiêu thụ sản phẩm, kết nối vùng nguyên liệu, xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến.
- Nhiều HTX, THT, đặc biệt là các HTX nông nghiệp chủ yếu hoạt động ở địa bàn

nông thôn; những HTX này hiện gặp nhiều khó khăn do trình độ năng lực cán bộ yếu kém, trình độ quản trị HTX hạn chế nên rất cần được hỗ trợ; tuy nhiên chính sách lại chưa ưu tiên cho các HTX ở khu vực này. Cụ thể trường hợp tỉnh Quảng Trị, Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020 chỉ có cơ chế hỗ trợ thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX tại địa bàn các phường, thị trấn; Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về kế hoạch xây dựng và phát triển HTX nông nghiệp kiểu mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 chỉ bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ 3.211 triệu đồng để thu hút con em tốt nghiệp Đại học, cao đẳng về công tác tại HTX ở các phường, thị trấn.

4.3.5 Nội dung chính sách còn nhiều điểm bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn để thực thi chính sách

a) Điều kiện thụ hưởng chính sách chưa phù hợp với thực tiễn

Không chỉ thiếu nguồn lực để thực hiện, nhiều chính sách đề ra các điều kiện thụ hưởng không phù hợp với địa phương là nguyên nhân dẫn đến số lượng và tỷ lệ các HTX tiếp cận và được thụ hưởng các chính sách chưa cao, trong khi nhu cầu hỗ trợ vẫn còn rất lớn. Điển hình như:

- Chính sách hỗ trợ kết cấu hạ tầng HTX: Để được hưởng hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT thì HTX phải có ít nhất 1 trong 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ có doanh thu tối thiểu 1 tỷ đồng/năm; hoặc HTX phải có diện tích phục vụ tối thiểu 50 ha mới được hỗ trợ công trình thủy lợi, giao thông nội đồng. Những điều kiện này khiến cho các HTX ở vùng sâu, vùng xa,

vùng có điều kiện khó khăn và các HTX mới thành lập, quy mô nhỏ không thể nào tiếp cận được chính sách.

- Chính sách tín dụng: Hầu hết các HTX/THT không tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi, vì vậy thiếu vốn để hoạt động và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh dịch vụ, nhất là những dịch vụ đòi hỏi vốn lưu động lớn như kinh doanh vật tư phân bón, tín dụng. Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020 toàn tỉnh chỉ có 10% HTX được tiếp cận vốn tín dụng từ ngân hàng thương mại, trong đó loại hình HTX nông nghiệp chỉ có khoảng 4% HTX được tiếp cận vốn tín dụng và 7% HTX đang vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của tỉnh. Dự nợ cho vay HTX thời điểm cuối năm 2018 chỉ đạt 5,7 tỷ đồng, chiếm 0,02% tổng dư nợ tín dụng nông nghiệp nông thôn. Mặc dù Chính phủ đã có chính sách vay vốn ưu đãi tín dụng bằng hình thức tín chấp theo Nghị định số 55 và Nghị định số 116 về tín dụng nông nghiệp nông thôn, nhưng các HTX cho biết khi làm thủ tục vay vốn, các ngân hàng thương mại vẫn yêu cầu HTX phải có tài sản thế chấp, trong khi hầu hết các HTX hiện nay đều không có tài sản chung. Ngoài ra, nhiều HTX không xây dựng phương án SXKD hoặc dự án đầu tư khả thi, rõ ràng; hệ thống sổ sách tài chính kế toán thiếu minh bạch; HTX hoạt động kém hiệu quả nên các tổ chức tín dụng không tin tưởng cho vay vốn.
- Chính sách đất đai đối với HTX nhìn chung khó thực hiện; do địa phương không còn quỹ đất nên các HTX thành lập mới không được hỗ trợ đất để làm trụ sở, kho bãi mà chủ yếu phải tự xây mua hoặc mượn của cá nhân thành viên HTX. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thu tiền không được HTX quan tâm do HTX không thể thế chấp để vay vốn ngân hàng. Ngoài ra, do chưa có quy định rõ ràng vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ HTX

thuê lại hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp của nông dân nên việc triển khai các dự án đầu tư của HTX nông nghiệp còn gặp khó khăn.

b) Nội dung hỗ trợ chưa phù hợp với nhu cầu của HTX và nông dân

- Nhiều HTX và hộ nông dân thành viên khi khảo sát cho biết một số chính sách hỗ trợ của nhà nước chưa phù hợp với HTX và người dân. Rõ nhất là các hỗ trợ giống cây con nhưng HTX và người dân cho rằng không phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu của người dân. Ghi nhận tại HTX Kinh Duân (xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị) cho biết phòng Nông nghiệp huyện hỗ trợ giống lúa Thiên Ưu 8, trong khi vùng sản xuất lúa của HTX phù hợp với giống lúa Khang Dân và giống lúa HN6. Vì thế, khi nhận được hỗ trợ lúa giống Thiên Ưu 8 thì các hộ dân không sử dụng, phải tìm cách bán lại cho người dân ở nơi khác. Ngoài ra, HTX còn cho biết những hỗ trợ của Nhà nước không kịp thời (chẳng hạn thời vụ gieo hạt ngô là tháng 11 nhưng đến tận tháng 12 họ mới nhận được ngô giống hỗ trợ).
- Chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý HTX và thành viên hiệu quả chưa cao do chưa có đơn vị đầu mối ở tỉnh. Hiện nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nên trong quá trình triển khai nhiều nơi có sự chồng chéo về nội dung tập huấn gây lãng phí nguồn lực, không hiệu quả về chất lượng tập huấn. Bên cạnh đó, mặc dù các chính sách đều đề cập đến việc đào tạo nâng cao năng lực nhưng các mức hỗ trợ còn thấp, ngân sách hạn chế nên chỉ đủ để bồi dưỡng ngắn hạn (tập huấn), chưa bồi dưỡng chuyên sâu (đào tạo) cho các đối tượng tham gia (đa phần là cán bộ HTX, ít chú trọng đến thành viên HTX). Ngoài ra, ở một số địa phương, việc thành lập mới HTX chạy theo thành tích hoàn thành tiêu chí 13 để được công nhận đạt nông thôn

mới, nên một số HTX sau khi thành lập hoạt động không có hiệu quả.

- Đối với chính sách thuế: theo quy định của Luật thuế GTGT, các HTX mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho Doanh nghiệp, HTX khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Nhưng trên thực tế, nhiều HTX không được hoàn thuế GTGT vật tư đầu vào sản xuất do HTX không mua hàng từ nguồn có hóa đơn mua đầu vào (trường hợp HTX thủy sản Tiến Phát ở xã Gio Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị). Ngoài ra, nhiều HTX không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do chưa hạch toán riêng biệt được phần thu nhập được miễn thuế đối với phần giá trị sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên trong HTX.

c) Chưa giao HTX làm chủ đầu tư một số công trình hạ tầng để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tạo công ăn việc làm cho người lao động trong HTX

Để thực hiện hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho HTX, các địa phương đều thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về “*Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*”. Tuy nhiên, cũng có sự điều chỉnh linh hoạt đối với đặc thù mỗi địa phương. Thông thường UBND cấp xã làm chủ đầu tư, có nơi giao UBND cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và PTNT cấp tỉnh làm chủ đầu tư để thi công công trình, sau khi hoàn thành mới bàn giao lại cho HTX.

Nhiều HTX cho biết chính quyền địa phương nên giao cho HTX trực tiếp làm chủ đầu tư các hạng mục công trình mà HTX được hỗ trợ. Lí do là vì bản thân HTX đã phải có vốn đối ứng 20% đối với công trình. Mặc khác, các

hạng mục công trình đầu tư như (nhà kho, sân phơi, dây truyền công nghệ,...) sau này sẽ do HTX trực tiếp vận hành thì nên để cho HTX được chủ động thuê thiết kế, thi công thực hiện sẽ phù hợp và hiệu quả hơn. Thực tế hiện nay ở nhiều nơi đã mạnh dạn giao trực tiếp cho các HTX làm chủ đầu tư và đã đạt hiệu quả tốt như Quảng Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho HTX nông nghiệp thực hiện và đạt hiệu quả cao cần được tham khảo và áp dụng nhân rộng.

4.3.6 Dịch vụ công của Nhà nước chưa hỗ trợ tốt cho HTX/THT

Các HTX/THT có tính đặc thù là người quản lý HTX chính là người sản xuất, những hầu hết những người quản lý HTX/THT là nông dân có trình độ hạn chế. Mặc dù Luật HTX cho phép họ có thể thuê giám đốc và các cán bộ kỹ thuật nhưng với quy mô hoạt động nhỏ bé và lợi nhuận ít, thậm chí nhiều HTX không có lợi nhuận thì HTX không thể thuê Giám đốc điều hành được. HTX cần có sự hỗ trợ của nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể cơ quan nào trong bộ máy quản lý nhà nước hỗ trợ cho HTX/THT. Vì vậy, cần phải bổ sung chức năng nhiệm vụ của một số cơ quan dịch vụ công như: cán bộ khuyến nông cơ sở, cán bộ nông nghiệp cấp xã trong việc hỗ trợ HTX/THT về hoạt động, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, kiểm toán hoạt động của HTX đảm bảo HTX hoạt động đúng, quản lý tài chính minh bạch. Tuy nhiên, trong thực tế nhà nước hiện đang thả lỏng cho HTX/THT. Hoạt động kiểm toán HTX hầu như không thực hiện. HTX hoạt động không đúng Luật HTX năm 2012 như: thành viên không góp vốn điều lệ, HTX không nộp báo cáo thuế cũng không bị kiểm tra, xử phạt.

Ở các địa phương hiện nay đều thiếu đội ngũ cán bộ có thể tư vấn, hỗ trợ tốt cho các HTX; năng lực và kinh nghiệm của bộ máy quản

lý nhà nước và các đơn vị cung cấp dịch vụ cho các HTX chưa đáp ứng yêu cầu (thiếu về số lượng và yếu về chất lượng), đặc biệt là ở các huyện miền núi, vùng sâu vùng xa. Một bộ phận cán bộ, người dân hiện nay vẫn chưa nhận thức rõ về mô hình hoạt động của HTX. Còn thiếu cán bộ chuyên trách về kinh tế tập thể ở các ngành, các cấp, đa phần cán bộ kiêm nhiệm nhiều công việc, không chuyên sâu về HTX nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý và tư vấn, hỗ trợ để các HTX hoạt động và phát triển vẫn còn hạn chế. Thực tế cho thấy, một số địa phương còn lúng túng trong việc triển khai hỗ trợ kết cấu hạ tầng HTX theo Quyết định số 2261. Nguyên nhân là danh mục các loại kết cấu hạ tầng được hỗ trợ chưa bám sát tinh thần chỉ đạo và hướng dẫn của các Bộ, ngành. Cụ thể, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đều đề nghị ưu tiên nâng cấp hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản và chế biến nông sản. Thứ tự ưu tiên gồm hỗ trợ xưởng sơ chế, chế biến, cơ sở giết mổ, kết cấu hạ tầng vùng nuôi, thủy lợi nội đồng, cuối cùng là sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp và trụ sở làm việc. Tuy nhiên nhiều công trình được các địa phương hỗ trợ là trụ sở làm việc.

4.3.7 Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX còn chồng chéo; thiếu hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách

Hiện nay, việc phân công nhiệm vụ và quy trách nhiệm trong công tác phát triển KTTT, HTX ở địa phương còn chồng chéo giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT và Liên minh HTX tỉnh, dẫn đến chậm trễ trong quá trình điều hành, chỉ đạo công tác phát triển KTTT, HTX ở dưới cơ sở. Kết quả tham vấn ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, một số cán bộ quản lý HTX cũng thẳng thắn thừa nhận hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có quy định rõ ràng đơn vị nào là đầu mối quản lý, hỗ trợ KTTT, HTX. Thực tiễn cũng ghi nhận sự chồng chéo về công tác hỗ trợ KTTT, HTX như đã phân tích ở phần trên (*Mục 3.2.2.1*), đó là sự chồng chéo về nội dung đào tạo tập huấn do cả Sở Nông nghiệp và PTNT và Liên minh HTX tỉnh cùng thực hiện, gây lãng phí nguồn lực của Nhà nước.

Ngoài ra, ở góc độ quản lý nhà nước, hiện chưa có hệ thống chỉ tiêu để theo dõi, đánh giá kết quả thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Hệ thống chỉ tiêu, cơ sở dữ liệu báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay mới chỉ tập trung vào theo dõi, đánh giá tình hình phát triển KTTT, HTX. Do đó, việc đánh giá kết quả, hiệu quả thực thi chính sách phát triển KTTT, HTX hiện chưa được đầy đủ và kịp thời tới; gây khó khăn trong việc hoạch định chính sách phát triển KTTT, HTX phù hợp với thực tiễn của địa phương và nhu cầu của các HTX, người dân.



5

**GIẢI PHÁP PHÂN BỐ, SỬ DỤNG
HIỆU QUẢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG PHÁT TRIỂN KTTT, HTX
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

5.1 Giải pháp về phân bổ nguồn vốn NSNN cho phát triển KTTT, HTX

Trong giai đoạn tới 2021-2025, khu vực KTTT, HTX tiếp tục được Đảng và Nhà nước quan tâm phát triển, và đã được Bộ Chính trị đặt ra tại Kết luận số 70-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Nghị quyết số 134/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 70-KL/TW. Do đó, khu vực KTTT, HTX rất cần được Nhà nước ưu tiên nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển. Theo đó, Chính phủ và các Bộ, ngành ở Trung ương, các địa phương cần thực hiện các giải pháp sau:

5.1.1 Đối với Trung ương

- Trong Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, cần xây dựng cơ chế mới thay thế Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg²² theo hướng Trung ương cần quy định cho các địa phương bắt buộc dành một tỷ lệ tối thiểu từ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp hỗ trợ từ NSTW được giao để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX (trong giai đoạn 2016-2020, chỉ quy định địa phương ưu tiên bố trí một phần từ NSTW được giao để thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg). Ngoài ra, Trung ương cũng cần quy định địa phương cần bố trí ngân sách địa phương để đối ứng cho hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.
- Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách mới để hỗ trợ phát triển HTX, thay thế Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 sẽ kết thúc năm 2020. Đồng thời cần sửa đổi các

điều kiện thụ hưởng và các thủ tục theo hướng đơn giản hơn để các HTX có thể dễ dàng tiếp cận được chính sách hỗ trợ, nhất là các HTX mới thành lập; các HTX vùng khó khăn. Có cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các HTX nông nghiệp có đăng ký trụ sở ở khu vực đô thị (phường, thị trấn) nhưng có hoạt động SXKD, dịch vụ ở khu vực nông thôn thì được hưởng các chính sách có nguồn vốn từ chương trình NTM.

5.1.2 Đối với 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị

- HĐND và UBND các tỉnh cần bố trí ngân sách địa phương dành cho phát triển KTTT, HTX trên địa bàn. Trong kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm thực hiện phát triển KTXH trên địa bàn và thực hiện các Chương trình MTQG, đặc biệt là Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, các Sở ban ngành ở địa phương cần tham mưu cho HĐND tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ vốn ngân sách dành riêng cho phát triển KTTT, HTX trên địa bàn theo hướng dẫn của văn bản Trung ương và phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương mình.

Nguồn vốn phân bổ cho phát triển KTTT, HTX cần được ưu tiên ở những địa bàn khó khăn, vùng miền núi, vùng bãi ngang ven biển, vùng có nhiều đồng bào DTTS. Nguồn vốn phân bổ cần tập trung có trọng điểm để triển khai một số chính sách đặc thù để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX/THT. Ngoài ra, cũng cần có quy định phân bổ vốn ngân sách để nâng chất lượng của các HTX trong tiêu chí số 13 chương trình MTQG xây dựng NTM.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở ban ngành có liên quan tham mưu giúp UBND các tỉnh xây dựng tiêu chí rõ ràng để phân bổ ngân sách cho phát triển KTTT, HTX trong kế hoạch trung hạn 5

²² Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

năm và kế hoạch hàng năm. Trên cơ sở đó có kế hoạch phân bổ vốn phù hợp, hiệu quả. Cần có cơ chế phân bổ vốn ưu tiên cho phát triển KTTT, HTX ở những vùng sản xuất hàng hóa chủ lực của địa phương; vùng có điều kiện khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

- Có quy định và hướng dẫn các địa phương trong quá trình lập kế hoạch phát triển KTXH địa phương và quá trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình MTQG cần có sự tham gia của các HTX/THT trên địa bàn. Cụ thể, chính quyền địa phương phải mời các HTX/THT trên địa bàn tham gia vào các cuộc họp thôn, họp xã để đăng ký nhu cầu hỗ trợ. Nội dung đăng ký nhu cầu của HTX/THT phải được tích hợp và lồng ghép vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương và kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình MTQG; đồng thời phải được thông báo và niêm yết công khai theo quy định.
- UBND tỉnh cần thống nhất giao cho một đơn vị đầu mối tham mưu về chuyên môn nghiệp vụ cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giúp UBND tỉnh trong quá trình phân bổ vốn NSNN để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Tránh tình trạng phân bổ vốn cho nhiều đơn vị cùng tham gia cùng nội dung hỗ trợ KTTT, HTX dẫn đến tình trạng trùng lặp nội dung, lãng phí nguồn lực như một số nơi thời gian qua.

5.2 Giải pháp hỗ trợ các HTX, THT nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước

5.2.1 Tuyên truyền, phổ biến chính sách và nâng cao nhận thức về HTX

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức cho cán bộ quản lý các cấp, cán bộ quản lý của HTX, thành viên HTX và

người dân hiểu rõ về bản chất, vị trí của HTX, lợi thế của HTX trong cạnh tranh; tuyên truyền, phổ biến kịp thời chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước cho tất cả các HTX và thành viên, nông dân.

Việc tuyên truyền là một nội dung có thể được thực hiện lồng ghép vào chương trình đào tạo khác cho HTX. Ngoài ra, nội dung này cần được tổ chức riêng cho cán bộ chính quyền cơ sở, cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông cơ sở, những người làm công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ HTX ở địa phương.

5.2.2 Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách để nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực của chính sách hỗ trợ HTX

Trước tiên, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách ưu đãi tín dụng để tạo điều kiện cho các HTX thuận lợi trong tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi theo hướng: cho phép sử dụng quyền sử dụng đất được giao cho HTX như tài sản thế chấp; cho phép HTX sử dụng tài sản của thành viên làm tài sản thế chấp; nếu thực hiện kiểm toán HTX thì có thể quy định sử dụng kết quả kiểm toán HTX là công cụ bảo đảm tín chấp để HTX được vay vốn.

Đối với chính sách đất đai, nhà nước cần có chính sách hỗ trợ HTX thuê đất, thuê mặt nước để mở rộng sản xuất, nhất là để tổ chức các hoạt động sản xuất tập trung của HTX, hoạt động chế biến, thương mại sản phẩm. Đất HTX thuê dài hạn được sử dụng làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng.

Đối với chính sách ưu đãi thuế: Hoàn thuế GTGT cho HTX khi HTX mua vật tư đầu vào phục vụ sản xuất của hộ thành viên nhưng không có hóa đơn mua vật tư đầu vào. Trong trường hợp này, chỉ cần giấy xác nhận của UBND cấp xã. Cơ quan thuế cần đẩy mạnh hỗ trợ HTX lập sổ sách theo dõi kế toán; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế hàng năm, hàng quý.

Ngoài ra, cần có cơ chế ưu tiên riêng cho các HTX hoạt động ở các vùng khó khăn, vùng

miền núi, ven biển và vùng có nhiều đồng bào DTTS. Theo đó, điều kiện để thụ hưởng chính sách cho các HTX, thành viên HTX ở những khu vực này cần thấp hơn so với các HTX ở những vùng có điều kiện thuận lợi, phù hợp với năng lực và khả năng của HTX để các HTX, thành viên HTX dễ dàng tiếp cận được chính sách.

5.2.3 Đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX về kỹ năng quản trị HTX

Năng lực quản trị, điều hành HTX là khâu yếu nhất của đội ngũ cán bộ quản lý HTX hiện nay. Các nội dung quan trọng cần đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX gồm: i) Kỹ năng và công cụ cần thiết để xây dựng phương án, dự án sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện của HTX; ii) Kỹ năng, công cụ quản lý tài chính HTX đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả; iii) Kỹ năng xây dựng các quy chế quản lý nội bộ trong HTX; iv) Kỹ năng đàm phán, thương thảo hợp đồng và phân tích thị trường, tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho HTX và thành viên; v) Kỹ năng quảng bá và xúc tiến thương mại sản phẩm của HTX. Ngoài ra, có thể đào tạo tập huấn cho một số HTX về xây dựng thương hiệu của HTX nếu HTX có tiềm năng để xây dựng thương hiệu.

5.2.4 Đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý nhà nước và hỗ trợ HTX

Các đối tượng cần được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về HTX gồm: i) Cán bộ quản lý nhà nước ở các đơn vị chuyên môn được giao QLNN về HTX ở các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; ii) Cán bộ chuyên môn thuộc các Phòng Nông nghiệp hoặc phòng kinh tế cấp huyện; cán bộ phòng Tài chính - kế hoạch cấp huyện; iii) Cán bộ làm công tác hỗ trợ HTX và nông dân như: khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, cán bộ các Hội đoàn thể chính trị các cấp ở địa phương (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên); iv) Cán bộ cấp xã.

Các nội dung cần đào tạo, tập huấn cho các đối tượng này gồm: i) Kiến thức chung về HTX, bản chất HTX; ii) Chủ trương, chính sách hỗ trợ HTX của Đảng và nhà nước; iii) Thủ tục, hồ sơ, trình tự thành lập mới, giải thể HTX; iv) Năng lực tư vấn, hỗ trợ cho các HTX về quản trị, điều hành HTX; xây dựng phương án và phát triển sản xuất kinh doanh của HTX; tư vấn, hỗ trợ HTX tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, xây dựng thương hiệu, nhãn mác để quảng bá sản phẩm của HTX.

5.2.5 Tư vấn, hỗ trợ HTX thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, tham gia liên kết chuỗi giá trị

Không chỉ đào tạo, tập huấn về kiến thức, kỹ năng cho HTX mà cần có đội ngũ cán bộ thường xuyên tư vấn, hỗ trợ để HTX triển khai thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, tham gia liên kết chuỗi giá trị theo phương thức cầm tay chỉ việc. Muốn vậy, cần có chính sách hỗ trợ để các cán bộ chuyên môn ở các phòng được giao quản lý nhà nước và hỗ trợ HTX trong các Sở, ban ngành cấp tỉnh; cán bộ các phòng ở cấp huyện và cán bộ xã; cán bộ Liên minh HTX để họ có kiến thức, năng lực và điều kiện để tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các HTX.

Giai đoạn 2017-2020, cả 02 tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đều đã triển khai thí điểm chính sách đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp Đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn 36 tháng (mỗi tỉnh đều hỗ trợ 05 cán bộ cho 05 HTX). Các cán bộ về làm việc trong HTX được tỉnh hỗ trợ trả lương theo mức lương tối thiểu vùng được nhà nước quy định. Theo đánh giá sơ bộ, một số cán bộ về làm việc tại HTX đã phát huy tốt vai trò, chức năng của mình trong việc hỗ trợ HTX phát triển. Trong giai đoạn tới, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX thì các tỉnh cần tiếp tục hỗ trợ nhân rộng chính sách này và áp dụng cho cả các HTX ở khu vực nông thôn, nhất là vùng khó khăn (chứ không chỉ hỗ trợ các HTX ở các phường, thị trấn như tỉnh Quảng Trị giai đoạn vừa qua).

5.2.6 Tạo điều kiện để các HTX tham gia vào các chương trình, dự án; giao HTX làm chủ đầu tư công trình hạ tầng hỗ trợ HTX

Các địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ các HTX tham gia vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế nông thôn; giao cho các HTX làm chủ đầu tư để tổ chức các dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, liên kết thị trường. Đặc biệt, cần có cơ chế mạnh dạn giao các HTX làm chủ đầu tư để thi công một số hạng mục công trình hỗ trợ HTX như nhà kho, sân phơi, xưởng sơ chế, chế biến, cơ sở giết mổ của HTX.

Cách làm này hiện đã và đang được nhiều nơi áp dụng để thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng HTX theo Quyết định số 2261 và đã khẳng định được hiệu quả đầu tư. Theo đó, UBND cấp huyện chỉ tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế và dự toán cho các HTX được hỗ trợ trong năm kế hoạch. Trên cơ sở kết quả thẩm định của UBND cấp huyện, các HTX ra Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán công trình. Trên cơ sở hồ sơ thiết kế và dự toán được duyệt, HTX tổ chức triển khai đầu tư xây dựng (HTX có thể thuê đơn vị thực hiện hoặc tự tổ chức thực hiện). Sau khi hoàn thành, HTX có văn bản đề nghị UBND cấp huyện tổ chức nghiệm thu công trình để được hỗ trợ.

5.2.7 củng cố bộ máy quản lý nhà nước về HTX, tăng cường vai trò của hệ thống dịch vụ công nhà nước đối với HTX

Phân công rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với HTX ở từng cơ quan, đơn vị; phân định rõ cơ quan, đơn vị đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng và thực hiện cơ chế phân bổ nguồn vốn phát triển KTTT, HTX; cơ quan, đơn vị đầu mối về công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ KTTT, HTX; tránh sự chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

Ngoài ra, chính quyền địa phương cần tăng cường kiểm tra các HTX với mục tiêu phát

hiện các vấn đề HTX hoạt động chưa đúng Luật, còn yếu để có giải pháp hỗ trợ. Đặc biệt, cần tăng cường kiểm tra quản lý tài chính, báo cáo tài chính của HTX để đảm bảo các HTX thực hiện đúng quy định. Chính quyền địa phương cần có chương trình kiểm toán hàng năm các HTX. Việc kiểm toán tài chính với HTX giúp HTX quản lý tài chính tốt hơn, tạo niềm tin cho hộ nông dân tham gia vào HTX.

Các tỉnh cũng nên bổ sung chức năng của cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông cấp xã trong việc hỗ trợ HTX, THT trên địa bàn xã.

Để xây dựng được cơ chế chính sách phù hợp, hiệu quả đối với khu vực KTTT, HTX, cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu, cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá kết quả thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.

5.3 Giải pháp hỗ trợ phát triển THT

Nhà nước cần có chính sách và bố trí nguồn lực để hỗ trợ cho các THT hoạt động. Những nội dung cần hỗ trợ THT hiện nay bao gồm:

- Tuyên truyền cho cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ hỗ trợ THT và người dân hiểu về bản chất, chính sách pháp luật của nhà nước đối với THT
- Hỗ trợ THT hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ: tổ chức bộ máy; phân phối lợi nhuận; hợp đồng hợp tác;....
- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý THT, nhất là tổ trưởng THT về các nội dung: quản lý THT, quản lý tài chính THT; xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ của THT
- Hỗ trợ THT phát triển lên thành HTX. Hướng dẫn các THT liên kết thành lập hoặc phát triển lên thành HTX.

6 TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, 2020. Kết luận số 70-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
2. Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, 2019. Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
3. Chính phủ, 2020. Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2020. Sách trắng hợp tác xã Việt Nam năm 2020.
5. Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2019. Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong nông nghiệp.
6. Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2019. Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019 và triển khai Kế hoạch năm 2020.
7. Tỉnh ủy Quảng Trị, 2018. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
8. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị, 2020. Văn bản số 688/SKH-DN ngày 11/5/2020 về việc cung cấp thông tin và số liệu hoạt động giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
9. Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị, 2020. Báo cáo tình hình thực hiện đổi mới Hợp tác xã nông nghiệp gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và thực hiện Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, giai đoạn 2017-2020.
10. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị, 2019. Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong nông nghiệp.
11. UBND tỉnh Quảng Trị, 2018. Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp.
12. Tỉnh ủy Hòa Bình, 2018. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
13. UBND tỉnh Hòa Bình, 2019. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020.
14. Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình, 2020. Báo cáo tình hình phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã và hoạt động của Liên minh hợp tác xã tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2020-2025.
15. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình, 2019. Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

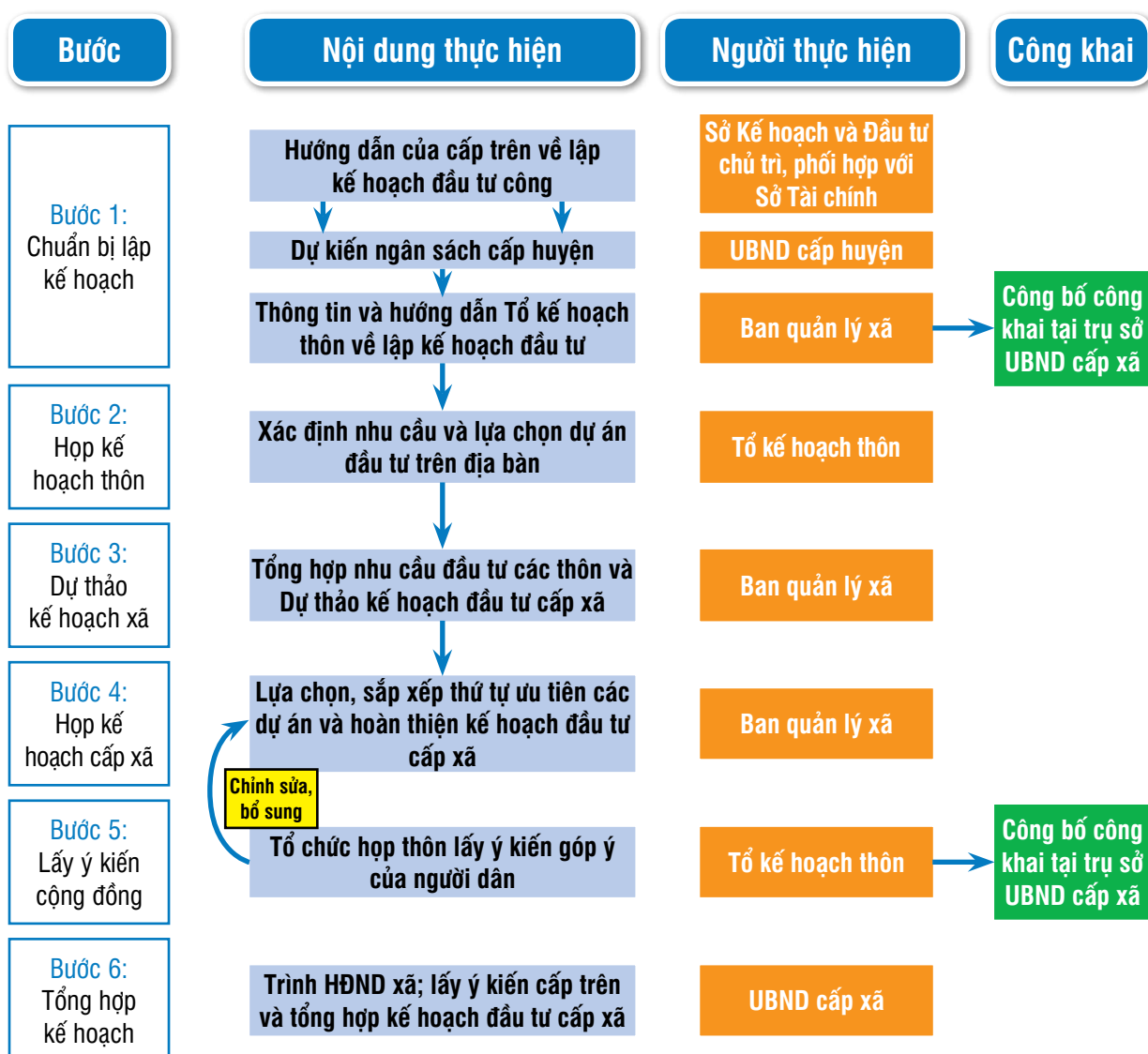
7 PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quy trình lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư phát triển KTTT, HTX theo Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT

Để thực hiện hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho HTX, các địa phương đều thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về

“Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”. Theo đó, quy trình lập kế hoạch đầu tư phát triển KTTT, HTX được lồng ghép vào kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình MTQG. Cụ thể bao gồm 06 bước chính như sau:

Sơ đồ 2: Quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT



- **Bước 1: Chuẩn bị lập kế hoạch:**

- Căn cứ hướng dẫn của cấp trên về lập kế hoạch đầu tư công: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp dưới về tổ chức, thực hiện lập kế hoạch đầu tư cấp xã; dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác hỗ trợ xã thực hiện các chương trình MTQG.

Ủy ban nhân dân cấp huyện dự kiến ngân sách cấp huyện, các nguồn vốn hợp pháp khác hỗ trợ xã thực hiện các chương trình MTQG.

- Ban quản lý xã (là đơn vị lập kế hoạch cấp xã) thực hiện các nhiệm vụ:

+) Thông tin cho Tổ kế hoạch thôn (có từ 3 đến 5 thành viên, do Trưởng thôn làm Tổ trưởng) về dự kiến ngân sách của xã, dự kiến mức hỗ trợ cho thôn (nếu có); nhắc lại mục tiêu, đối tượng, tiêu chí đầu tư, định hướng đầu tư. Các thông tin nêu trên được gửi tới các thôn bằng văn bản và được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã.

+) Hướng dẫn cho Tổ kế hoạch thôn về cách thức lựa chọn, ưu tiên các dự án đầu tư, cách thức tổ chức các cuộc họp đối với người dân nhằm đảm bảo các nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư cấp xã có sự tham gia của cộng đồng.

- **Bước 2: Hợp kế hoạch thôn:**

Căn cứ hướng dẫn của Ban quản lý xã, Tổ kế hoạch thôn tổ chức họp thôn với thành phần là đại diện các hộ dân, cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn (các cuộc họp thôn có thể được tổ chức lồng ghép với các cuộc họp có nội dung khác của thôn):

- Cuộc họp thôn được tổ chức để đánh giá tình hình thực hiện, xác định nhu cầu và lựa chọn dự án đầu tư (trên địa bàn thôn hoặc xã), lập Danh mục dự án đầu tư của thôn gửi Ban quản lý xã tổng hợp vào kế hoạch

đầu tư cấp xã. Tổ kế hoạch thôn chuẩn bị nội dung, dự kiến các dự án đầu tư để xuất; khái toán và phân tích sơ bộ về mục tiêu, sự cần thiết của các dự án đầu tư để người dân có cơ sở lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên.

- Cuộc họp thôn quyết định về Danh mục dự án đầu tư hợp lệ khi: i) Có trên 50% tổng số đại diện hộ dân của thôn hoặc đại diện được hộ dân ủy quyền tham dự cuộc họp; ii) Có trên 50% tổng số thành viên tham dự cuộc họp đồng ý.
- Sau khi kết thúc họp thôn, Tổ kế hoạch thôn gửi Danh mục dự án đầu tư, biên bản cuộc họp và các tài liệu khác kèm theo về Ban quản lý xã.

- **Bước 3: Dự thảo kế hoạch đầu tư cấp xã:**

- Dựa trên căn cứ, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư cấp xã và đề xuất của các thôn, Ban quản lý xã dự thảo kế hoạch đầu tư cấp xã.
- Ban quản lý xã đề xuất bổ sung các dự án liên thôn (nếu cần).

- **Bước 4: Hợp kế hoạch cấp xã:**

- Cuộc họp kế hoạch cấp xã được tổ chức nhằm lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án và hoàn thiện kế hoạch đầu tư cấp xã.
- Thành phần cuộc họp gồm Ban quản lý xã và các Tổ trưởng Tổ kế hoạch thôn. Các thành viên cuộc họp thảo luận và biểu quyết thông qua kế hoạch đầu tư cấp xã, đảm bảo có trên 50% thành viên đồng ý.

- **Bước 5: Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng**

- Dự thảo kế hoạch đầu tư cấp xã được Ban quản lý xã báo cáo UBND xã, sau đó công bố công khai tại trụ sở UBND xã; gửi tới các Tổ kế hoạch thôn để tổ chức họp với các hộ dân, các tổ chức, đoàn thể xã hội trong thôn nhằm thảo luận, lấy ý kiến.
- Các ý kiến đóng góp của tổ chức, cá nhân được Tổ kế hoạch thôn tổng hợp và gửi tới Ban quản lý xã.

- Dự thảo kế hoạch đầu tư cấp xã sau khi tiếp thu ý kiến góp ý tại cuộc Họp kế hoạch cấp xã để tiếp tục chỉnh sửa và báo cáo UBND xã.
- **Bước 6: Lấy ý kiến cấp trên và tổng hợp kế hoạch đầu tư cấp xã**
- UBND xã xem xét dự thảo kế hoạch đầu tư cấp xã và trình HĐND xã để xin ý kiến. Căn cứ ý kiến của HĐND xã (hoặc Thường trực HĐND xã), UBND xã chỉ đạo hoàn chỉnh Dự thảo kế hoạch đầu tư cấp xã gửi UBND cấp huyện để lấy ý kiến.
- Căn cứ ý kiến của UBND huyện, UBND xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư cấp xã, trình HĐND cấp xã thông qua và sau đó gửi UBND cấp huyện để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công của huyện.

Phụ lục 2: Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2020

STT	Nội dung	ĐVT	2017	2018	2019	2020	Tổng 04 năm
1	Tuyên truyền pháp luật HTX						
-	Số hội nghị tuyên truyền	Hội nghị	0	0	1	19	20
-	Kinh phí thực hiện	Tr đồng	0	0	10	662,3	672,3
2	Tập huấn cán bộ quản lý HTX						
-	Số lớp	Lớp	8	10	9	9	36
-	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	320	400	360	360	1.440
-	Tổng kinh phí thực hiện	Tr đồng	600	700	700	700	2.700
3	Tập huấn cán bộ cán bộ công chức						
-	Số lớp	Lớp	2	2	2	2	8
-	Số người được tập huấn	Người	200	150	200	200	750
-	Kinh phí thực hiện	Tr đồng	60	45	60	60	225
4	Hỗ trợ đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp CĐ, ĐH về làm việc tại HTX				Giai đoạn 2019-2020		
-	Số người được hỗ trợ	Người	0	0	17	17	
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	0	165,5	572,54	697,85	1.435,89
5	Hỗ trợ XTTM, mở rộng thị trường						
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX	19	52	54	75	200
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	105	216	570,6	799,9	1.691,5

STT	Nội dung	ĐVT	2017	2018	2019	2020	Tổng 04 năm
6	Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị				Giai đoạn 2019-2020		
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX	0	2	6	8	
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	0	400	2.572,2	1.379,8	4.352
7	Hỗ trợ thành lập mới, Tổ chức lại HTX theo Luật HTX 2012						
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX	53	0	39	50	142
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	795	0	750	750	2.295
8	Hỗ trợ HTX vay vốn						
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX	6	9	16	10	41
-	Tổng số vốn được vay	Tr đồng	1.357	1.748	5.833	3.150	12.088
9	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng				Giai đoạn 2019-2020		
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX	0	9	15	24	
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	0	5500	630	8170	14.300
	Tổng kinh phí hỗ trợ HTX	Tr đồng	2.917	8.775	11.698	16.370	39.760

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình, 2020

Phụ lục 3: Văn bản chính sách phát triển KTTT, HTX do Trung ương ban hành

TT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày phát hành	Tên văn bản
A	Nghị định của Chính phủ			
1	Nghị định	77/2019/NĐ-CP	10/10/2019	Tổ hợp tác
2	Nghị định	193/2013/NĐ-CP	21/11/2013	Quy định chi tiết một số điều về Luật HTX
3	Nghị định	107/2017/NĐ-CP	15/9/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 193/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX
4	Nghị định	98/2018/NĐ-CP	5/7/2018	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
5	Nghị định	67/2014/NĐ-CP	7/7/2014	Một số chính sách phát triển thủy sản

TT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày phát hành	Tên văn bản
6	Nghị định	17/2018/NĐ-CP	2/2/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản
7	Nghị định	55/2015/NĐ-CP	9/5/2015	Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn
8	Nghị định	116/2018/NĐ-CP	7/9/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP
9	Nghị định	46/2014/NĐ-CP	15/5/2014	Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước
10	Nghị định	218/2013/NĐ-CP	26/12/2013	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp
11	Nghị định	139/2016/NĐ-CP	4/10/2016	Quy định về lệ phí môn bài
12	Nghị định	58/2018/NĐ-CP	18/4/2018	Bảo hiểm nông nghiệp
13	Nghị định	83/2018/NĐ-CP	24/5/2018	Khuyến nông
B Quyết định của Thủ tướng				
1	Quyết định	12/QĐ-TTg	22/4/2017	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020
2	Quyết định	68/2013/QĐ-TTg	14/11/2013	Hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp
3	Quyết định	2261/QĐ-TTg	15/12/2014	Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020
4	Quyết định	923/QĐ-TTg	28/6/2017	Phê duyệt chương trình mục tiêu TCC kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư
5	Quyết định	23/2017/QĐ-TTg	22/6/2017	Sửa đổi, bổ sung Quyết định 246/2006/QĐ-TTg về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX
6	Quyết định	01/2012/QĐ-TTg	09/1/2012	Chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm nghiệp và thủy sản
7	Quyết định	461/QĐ-TTg	27/4/2018	Phê duyệt đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả đến năm 2020
8	Quyết định	490/QĐ-TTg	7/5/2018	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018-2020

TT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày phát hành	Tên văn bản
9	Quyết định	22/2019/QĐ-TTg	26/6/2019	Thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp
C Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành				
1	Quyết định	813/QĐ-NHNN	24/4/2017	Chương trình cho vay khuyến khích phát triển NN ứng dụng CNC, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/ NQ-CP
2	Thông tư	340/2016/TT-BTC	29/12/2016	Hướng dẫn mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của HTX, thành lập mới HTX, tổ chức lại hoạt động của HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020
3	Thông tư	08/2019/TT-BTC	30/1/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 43/2017/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020
4	Thông tư	83/2015/TT-BTC	28/5/2015	Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với HTX
5	Thông tư	15/2016/TT-BNNPTNT	10/6/2016	Hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTX

Phụ lục 4: Văn bản chính sách phát triển KTTT, HTX tỉnh Hòa Bình

TT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày phát hành	Tên văn bản
1	Nghị quyết	80/2017/NQ-HĐND	8/12/2017	Về mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ nguồn vốn NSNN để thực hiện các nội dung của CTMTQG xây dựng NTM tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020
2	Nghị quyết	108/2018/NQ-HĐND	6/12/2018	Sửa đổi khoản 3 điều 1, Nghị quyết số 80/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh Hòa Bình về mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ nguồn vốn NSNN để thực hiện các nội dung của Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Hòa Bình Giai đoạn 2016-2020

TT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày phát hành	Tên văn bản
3	Nghị quyết	169/2019/NQ-HĐND	14/8/2019	Sửa đổi điều 1 Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐND ngày 6/12/2018 của HĐND tỉnh Hòa Bình về phương án phân bổ nguồn vốn NSNN để thực hiện các nội dung của Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Hòa Bình Giai đoạn 2016-2020
4	Nghị quyết	51/2017/NQ-HĐND	13/7/2017	Quy định mức hỗ trợ từ NSNN để thực hiện một số nội dung Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Hòa Bình Giai đoạn 2016-2020
5	Quyết định	26/2016/QĐ-UBND	30/6/2016	Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình XTTM tỉnh Hòa Bình
6	Quyết định	878/QĐ-UBND	26/4/2019	Phê duyệt đề án Chương trình OCOP giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2030 tỉnh Hòa Bình
7	Kế hoạch	148/KH-UBND	21/11/2018	Phát triển HTX ứng dụng CNC trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến 2020 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
8	Quyết định	1747/QĐ-UBND	13/9/2017	Phê duyệt Đề án xây dựng, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã đến năm 2020, định hướng đến năm 2025
9	Kế hoạch	145/KH-UBND	16/11/2018	Hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020
10	Quyết định	01/2018/QĐ-UBND	11/1/2018	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển KHCN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Phụ lục 5: Văn bản chính sách phát triển KTTT, HTX tỉnh Quảng Trị

TT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày phát hành	Tên văn bản
1	Nghị quyết	30/2017/NQ-HĐND	14/12/2017	Về xây dựng NTM đến 2020
2	Nghị quyết	05/2017/NQ-HĐND	23/5/2017	Một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020

TT	Loại văn bản	Số văn bản	Ngày phát hành	Tên văn bản
3	Quyết định	914/QĐ-UBND	7/5/2018	Ban hành kế hoạch thực hiện Nghị Quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về xây dựng NTM đến năm 2020
4	Quyết định	2235/QĐ-UBND	15/8/2017	Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
5	Quyết định	2299/QĐ-UBND	Ngày 23/8/2017	Tiêu chí phân loại và đánh giá HTX nông nghiệp kiểu mới giai đoạn 2017-2020
6	Quyết định	21/2015/QĐ-UBND	14/9/2015	Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển SXKD thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020
7	Quyết định	665/QĐ-UBND	30/3/2018	Kế hoạch xây dựng và phát triển HTXNN kiểu mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020
8	Kế hoạch	4376/KH-UBND	31/8/2017	Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất và phân loại, đánh giá xây dựng HTXNN kiểu mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020
9	Quyết định	2847/QĐ-UBND	10/12/2018	Phê duyệt nhiệm vụ phát triển HTX ứng dụng CNC trong xây dựng HTX kiểu mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Địa chỉ: 80B Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 024-39423346 - Fax: 024-38224784

Email: nxbgvtvt@fpt.vn

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
TRONG THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
GIAI ĐOẠN 2017-2020

Trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung:

Giám đốc, Tổng biên tập: NGUYỄN MINH NHẬT

Biên tập:

NGÔ THỊ BÍCH DIỆP

Đối tác liên kết:

Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Hoàng Minh

Địa chỉ: Số 18/79 Ngõ Thổ Quan, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Hà Nội

In 200 cuốn, khổ A4, tại Công ty TNHH In thương mại Đức Huy

Địa chỉ: 17/32 An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 5306-2020/CXBIPH/3-210/GTVT

Mã ISBN: 978-604-76-2322-8

Quyết định xuất bản số: 174LK/QĐ-XBGT. Cấp ngày 18 tháng 12 năm 2020

In xong nộp lưu chiểu năm 2020

Liên hệ

Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI)

Đơn vị Điều phối Liên minh Minh bạch Ngân sách BTAP

Địa chỉ: Tầng 16, số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Cầu Giấy, Hà Nội

Website: cdivietnam.org

Email: info@cdivietnam.org | ĐT: +84 24 3538 0100

ISBN: 978-604-76-2322-8



SÁCH KHÔNG BÁN